LÝ LUẬN & THỰC TIỄN
HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

Mục lục

SỰ KIỆN

3 **NGUYỄN PHÚ TRỌNG:**

Một số vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIV của Đảng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

17 **PHẠM VĂN LINH:**

Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay

28 **NGUYỄN VĂN GIANG:**

Sự phát triển nhận thức lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng qua gần 40 năm đổi mới

43 **NGÔ TUẤN NGHĨA:**

Định hướng phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đến năm 2030, tầm nhìn 2045

53 **LÊ KIM VIỆT:**

Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội trong công cuộc đổi mới và những vấn đề đặt ra

66 **LÊ THỊ THÚY:**

Kinh nghiệm phát triển nguồn lực khoa học công nghệ ở một số quốc gia và bài học rút ra cho Việt Nam

SỰ KIỆN

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC ĐẶC BIỆT QUAN TÂM TRONG CÔNG TÁC CHUẨN BỊ NHÂN SỰ ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Phiên họp của Tiểu ban Nhân sự Đại hội XIV

1. Vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội

Như chúng ta đã biết, trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, ở bất kỳ lĩnh vực, địa phương nào, cán bộ bao giờ cũng đóng vai trò quyết định; công tác cán bộ không chỉ là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng mà còn là mắt xích trọng yếu trong toàn bộ hoạt động của Đảng, nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Không phải ngẫu nhiên mà Bác Hồ bắt đầu chuẩn bị thành lập Đảng bằng việc đào tạo và huấn luyện cán bộ. Bác khẳng định: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém"; "Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng".

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định công tác cán bộ chịu sự quy định của đường lối chính trị, phục vụ nhiệm vụ chính trị; cho nên đồng thời với chuẩn bị đường lối chính trị phải tích cực chuẩn bị và tiến hành đường lối tổ chức và chiến lược cán bộ. Hiện nay, cùng với việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, Đảng ta đang chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của

Đảng, dự kiến tổ chức vào quý I/2026. Tại Hội nghị lần thứ tám (tháng 10/2023), Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định thành lập 5 tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng (Tiểu ban Văn kiện, Tiểu ban Kinh tế - Xã hội, Tiểu ban Điều lệ Đảng, Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội). Hai nội dung quan trọng nhất của mỗi kỳ Đại hội Đảng là việc thảo luận, quyết định đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng (gọi tắt là thông qua các văn kiện) và bầu ra các cơ quan lãnh đạo của Đảng (gọi tắt là công tác nhân sự). Hai nội dung này liên quan chặt chẽ với nhau, đều phải chuẩn bị thật tốt, đặc biệt việc chuẩn bị nhân sự Đại hội có vị trí, ý nghĩa cực kỳ quan trọng, là nhân tố bảo đảm cho thành công của Đại hội và triển khai thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội.

Đặc biệt việc chuẩn bị nhân sự Đại hội có vị trí, ý nghĩa cực kỳ quan trọng, là nhân tố bảo đảm cho thành công của Đại hội và triển khai thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội.

Nói đến chuẩn bị nhân sự Đại hội XIV của Đảng là nói đến chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhân sự lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ Đại hội Đảng, là bộ tham mưu chiến đấu, hạt nhân lãnh đạo chính trị và là trung tâm đoàn kết, thống nhất cao của toàn Đảng, toàn dân tộc. Đây là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, là tinh hoa của Đảng, đòi hỏi phải thật sự vững vàng, có đủ bản lĩnh, phẩm chất, trí tuệ và có uy tín cao để giải quyết những công việc ở tầm chiến lược, xử lý kịp thời, đúng đắn, có hiệu quả những tình huống phức tạp có quan hệ đến sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước, sự sống còn của chế độ. Thực tế cho thấy, trong bất cứ hoàn cảnh nào, nhất là vào những thời điểm quyết định hoặc có tính bước ngoặt lịch sử, vận nước đặt tất cả vào đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. (Lênin đã từng nói: "Hãy cho tôi một tổ chức những người cách mạng, tôi sẽ làm đảo lộn cả nước Nga"). Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và một số nước Đông Âu sụp đổ là do nhiều nguyên nhân, trong

đó có nguyên nhân rất quan trọng là lựa chọn, bố trí sai một số cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược, nhất là cấp cao nhất. Cần phải khẳng định và thấm nhuần sâu sắc vị trí, ý nghĩa của công việc cực kỳ quan trọng này không chỉ đơn thuần đối với việc tổ chức một Đại hội Đảng mà đây là công việc có ý nghĩa chiến lược gắn liền với vận mệnh của Đảng, sự tồn vong của chế độ và sự phát triển của đất nước.

Sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới và sau hơn 25 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ, đội ngũ cán bộ các cấp ở nước ta đã có bước trưởng thành, phát triển nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng cao, từng bước đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; cơ cấu, độ tuổi, giới tính, dân tộc, ngành nghề, lĩnh vực công tác có sự cân đối, hợp lý hơn; nguồn quy hoạch cán bộ ngày càng đáp ứng yêu cầu, cơ bản bảo đảm sự chuyển tiếp và kế tục giữa các thế hệ.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ nước ta có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật, luôn tu dưỡng, rèn luyện; trình độ, năng lực được nâng lên, phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng với xu thế hội nhập, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đa số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp có năng lực, phẩm chất, uy tín. Cán bộ cấp chiến lược có bản lĩnh chính trị, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có tư duy đổi mới, có khả năng hoạch định đường lối, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hầu hết cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang được rèn luyện, thử thách qua thực tiễn, trung thành với Đảng, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì Tổ quốc, vì nhân dân. Nhiều cán bộ khoa học tâm huyết, say mê nghiên cứu, có đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và mở cửa hội nhập, tổ chức sản xuất, kinh doanh ngày càng có hiệu quả.

Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, đội ngũ cán bộ của ta hiện nay đông nhưng chưa thật mạnh; tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ vẫn xảy ra ở nhiều nơi; sự liên thông giữa các cấp, các ngành còn hạn chế. Tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số chưa đạt chỉ tiêu mong muốn. Thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trên nhiều lĩnh vực. Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa toàn diện, có mặt còn hạn chế, yếu kém; không ít cán bộ, trong đó có cả cán bộ cấp cao thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế. Không ít cán bộ trẻ thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện. Một bộ phận cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, thậm chí có người suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ cấp cao, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, phẩm chất, năng lực chưa ngang tầm nhiệm vụ, vi phạm nguyên tắc và quy chế làm việc, nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Không ít cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tính Đảng, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách, luật pháp, cố ý làm trái, trục lợi, làm thất thoát lớn vốn, tài sản của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, bị xử lý kỷ luật đảng và xử lý theo pháp luật. Chỉ tính từ đầu nhiệm kỳ khóa XIII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã phải thi hành kỷ luật gần 100 cán bộ cao cấp thuộc diện Trung ương quản lý; một số cán bộ đã bị xử lý hình sự. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy phiếu bầu, chạy bằng cấp, chạy khen thưởng, chạy danh hiệu, chạy tội..., trong đó có cả cán bộ cấp cao, tuy đã được ngăn chặn nhưng vẫn chưa hoàn toàn bị đẩy lùi. Làm việc gì, giữ chức vụ gì cũng chỉ tính đến lợi quyền, bổng lộc cho cá nhân mình, gia đình mình trước nhất, quên cả thanh liêm, danh dự.

Cần khẳng định rằng, sự trưởng thành, lớn mạnh và phát triển của đội ngũ cán bộ trong mấy chục năm qua là nhân tố hàng đầu quyết định làm nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Song, những khuyết điểm, yếu kém của một bộ phận cán bộ và những hạn chế, bất cập trong công tác cán bộ cũng là một nguyên nhân quan trọng làm cho đất nước phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và mong muốn của chúng ta, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tình hình đội ngũ cán bộ hiện nay, nhất là cán bộ cấp chiến lược, như đã nói ở trên, có ảnh hưởng nhất định đến việc chuẩn bị nhân sự cho Đại hội XIV của Đảng.

Đại hội XIV sẽ là một dấu mốc rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng tương lai, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Yêu cầu đặt ra cho công tác nhân sự của Đại hội XIV

Đại hội XIV của Đảng là một sự kiện chính trị rất quan trọng. Đại hội được tiến hành vào thời điểm đất nước ta trải qua 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 35 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 1991), trong đó có gần 15 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển 2011) và 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, hướng tới kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Đảng vào năm 2030 và kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập nước vào năm 2045. Đại hội XIV sẽ là một dấu mốc rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng tương lai, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững vì mục tiêu dân giàu, nước

mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội Đảng ta diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn; tuy nhiên các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng gay gắt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức, kinh tế số và xu hướng quốc tế hóa nguồn nhân lực vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với nước ta. Ở trong nước, công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, sức mạnh tổng hợp và uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao, tạo tiền đề để đất nước phát triển nhanh, bền vững. Tuy nhiên, sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức; bốn nguy cơ (tụt hậu xa hơn về kinh tế; chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nạn tham nhũng và tệ quan liêu; "diễn biến hòa bình") mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn còn hiện hữu, có mặt gay gắt hơn; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn những nhân tố dễ gây mất ổn định. Sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động ngày càng tinh vi, nguy hiểm, phức tạp trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập, sự bùng nổ của hệ thống thông tin truyền thông toàn cầu, chiến tranh mạng,... Đây cũng là thời điểm chuyển giao thế hệ từ lớp cán bộ sinh ra, lớn lên, được rèn luyện, trưởng thành trong những năm tháng kháng chiến, chủ yếu được đào tạo ở trong nước và tại các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, sang lớp cán bộ sinh ra, lớn lên, trưởng thành trong hòa bình và được đào tạo từ nhiều nguồn, nhiều nước có thể chế chính trị khác nhau.

Tình hình tư tưởng trong Đảng và tâm trạng trong nhân dân, bên cạnh mặt tích cực là cơ bản, cũng có những biểu hiện đáng lo ngại. Nhất là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức mới chỉ bước đầu được ngăn chặn, đẩy lùi. Tình hình trên cho thấy nhiệm vụ của toàn Đảng sắp tới là rất nặng nề. Để giải quyết những vấn đề trọng đại của đất nước trong thời gian tới, Bộ Chính trị, Ban

Chấp hành Trung ương phải chuẩn bị thật tốt để trình Đại hội thảo luận và quyết định nhân sự Trung ương khóa XIV, bảo đảm thành công của Đại hội và thắng lợi trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội. Đây là công việc vô cùng quan trọng. Đây cũng là vấn đề nhận được sự quan tâm sâu sắc, chính đáng của toàn Đảng, toàn dân. Gần như đi đến đâu, ở chỗ nào, cũng thấy cán bộ, đảng viên và nhân dân tỏ ra quan tâm theo dõi và có phần băn khoăn, lo lắng, đặt câu hỏi: Đảng ta sắp tới dự định lựa chọn, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo (Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là cán bộ chủ chốt) thế nào để đủ sức gánh vác nhiệm vụ cách mạng to lớn mà lịch sử giao phó? Các phần tử xấu, cơ hội, thù địch cũng nhân dịp này tìm mọi cách xuyên tạc, tung tin, tác động, chia rẽ nội bộ ta hòng phá hoại công tác nhân sự nói riêng, công tác xây dựng Đảng nói chung của chúng ta, rất thâm độc và nguy hiểm. Rõ ràng, công tác nhân sự Đại hội là vô cùng quan trọng nhưng cũng hết sức phức tạp, khó khăn, nặng nề, đòi hỏi Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cả hệ thống chính trị phải làm việc với tinh thần trách nhiệm rất cao, với quyết tâm, nỗ lực rất lớn, có cách làm thật sự công tâm, khách quan, khoa học, đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết".

3. Nội dung, phương pháp, cách thức tiến hành

Để chuẩn bị nhân sự Đại hội XIV của Đảng, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải xác định đúng yêu cầu xây dựng Ban Chấp hành Trung ương mà hạt nhân là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng. Phải chăng việc xây dựng Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV phải là một tập thể thật sự đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, thống nhất cao ý chí và hành động, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có tầm nhìn chiến lược; có trí tuệ, tư duy đổi mới, sáng tạo; tiêu biểu cho toàn Đảng về tính chiến đấu, tính kỷ luật; gắn bó mật thiết với nhân dân, quy tụ được sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân; đủ uy tín,

năng lực lãnh đạo đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

- Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV cần có số lượng và cơ cấu hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tăng cường số lượng Ủy viên Trung ương Đảng ở các vị trí, địa bàn, lĩnh vực công tác trọng yếu. Bảo đảm tính kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển liên tục.

- Việc giới thiệu nhân sự, nói chung phải trên cơ sở quy hoạch; giữ vững nguyên tắc, quy chế, quy định, phát huy trách nhiệm, dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan trong đánh giá, giới thiệu, lựa chọn nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước nhiệm kỳ tới. Lấy phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ các mặt, uy tín và hiệu quả công tác làm căn cứ và tiêu chí cơ bản để đánh giá, lựa chọn, bố trí cán bộ phù hợp với công việc. Chống các biểu hiện cơ hội, tham vọng quyền lực, vận động cá nhân, cục bộ, phe cánh, lợi ích nhóm...; cảnh giác với những âm mưu, thủ đoạn phá hoại, gây rối nội bộ của các thế lực thù địch.

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV phải thật sự là những đồng chí tiêu biểu của Đảng về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực công tác; bảo đảm tiêu chuẩn chung của cán bộ, đặc biệt chú trọng các vấn đề sau:

+ Có tinh thần yêu nước sâu sắc, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước và lợi ích của quốc gia - dân tộc. Có ý chí chiến đấu cao, gương mẫu thực hiện nguyên tắc, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; nói đi đôi với làm, gắn bó mật thiết với nhân dân, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động.

+ Có phẩm chất đạo đức và lối sống trong sáng, gương mẫu, được cán bộ, đảng viên và nhân dân tín nhiệm. Có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết, tận tuỵ với công việc; bản thân không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi, tham vọng quyền lực và kiên quyết

đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, quan liêu, tham nhũng; không để vợ, chồng, con, người thân lợi dụng chức quyền để trục lợi. Có ý thức giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, gương mẫu chấp hành sự phân công và nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; công minh, công bằng trong đánh giá, sử dụng cán bộ.

+ Có trí tuệ, tầm nhìn, tư duy chiến lược và kiến thức tương đối toàn diện để tham gia hoạch định đường lối, chính sách và sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương. Có năng lực cụ thể hóa và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách, nhiệm vụ của Đảng, chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn mới tại lĩnh vực, địa bàn công tác được phân công; qua thực tiễn tỏ rõ là người có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, có năng lực sáng tạo, nhiệt huyết, làm việc có hiệu quả, có "sản phẩm" cụ thể, rõ rệt; dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, quy tụ, phát huy được đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực, địa bàn được phân công. Có ý thức, trách nhiệm và khả năng tham gia thảo luận, đóng góp vào các quyết định chung của Ban Chấp hành Trung ương; đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ.

Nói tóm lại là phải vừa có Đức vừa có Tài, trong đó Đức là gốc ("chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài").

Kiên quyết không bỏ sót những người thật sự có đức, có tài, đủ tiêu chuẩn; đồng thời không để lọt vào Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV những người có một trong các khuyết điểm sau: (1) Bản lĩnh chính trị không vững vàng; không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng; có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, xu nịnh, chạy chọt, tham nhũng, quan liêu, cục bộ, vận động cho cá nhân, phe cánh, lợi ích nhóm; thiếu chính kiến, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; (2) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, mị dân, chuyên quyền, độc đoán; không công bằng, công minh trong đánh giá, sử dụng cán bộ, trù dập người thẳng thắn đấu tranh, phê bình; (3) Để nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc để xảy ra tham nhũng, thất thoát, vụ việc tiêu

cực lớn ở địa phương, cơ quan, đơn vị; (4) Không chịu nghiên cứu học hỏi; bảo thủ, trì trệ, làm việc kém hiệu quả, nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm; ý thức kỷ luật kém, không chấp hành sự điều động, phân công của tổ chức, uy tín giảm sút; (5) Kê khai tài sản không trung thực, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều nhà, nhiều đất, nhiều tài sản khác mà không giải trình rõ được nguồn gốc; bản thân hoặc vợ, chồng, con có lối sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức quyền để thu lợi bất chính; (6) Vi phạm quy định về lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay.

Cùng với việc xác định rõ và nắm vững yêu cầu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, phải tính toán, quy định rõ cơ cấu, số lượng Ban Chấp hành Trung ương, giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Đây cũng là vấn đề luôn được quan tâm trong quá trình chuẩn bị nhân sự ở mỗi kỳ Đại hội. Quan điểm chung và nhất quán ở các kỳ Đại hội là: Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, Ban Chấp hành Trung ương cần có cơ cấu hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tính kế thừa và phát triển; nhưng không nhất thiết lĩnh vực nào, ngành nào cũng phải có người tham gia Ban Chấp hành Trung ương nếu không đủ tiêu chuẩn; không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn. Giới thiệu để bầu làm Ủy viên Trung ương chính thức đối với các đồng chí có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để phân công phụ trách các lĩnh vực công tác Đảng, công tác chính quyền, công tác Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan trọng yếu của Nhà nước ở trung ương, địa phương và lực lượng vũ trang. Các ban đảng ở Trung ương và một số bộ, ngành, địa phương thuộc vị trí, địa bàn, lĩnh vực quan trọng cần tăng cường số lượng Ủy viên Trung ương Đảng.

Trong cơ cấu của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV cần chú ý bảo đảm tỉ lệ hợp lý đối với cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số; một số nhà khoa học, văn nghệ sĩ, lãnh đạo một số tập đoàn, tổng công ty lớn của Nhà nước đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia Ban Chấp hành Trung ương. Rút kinh nghiệm từ các khoá trước, việc xác định số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV cần căn cứ chủ yếu vào yêu cầu, nhiệm vụ và đòi hỏi của tình hình, căn cứ vào yêu cầu lãnh đạo toàn diện đối với các

địa bàn, lĩnh vực công tác, đặc biệt là phải bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, không thuần tuý chạy theo số lượng.

4. Trách nhiệm của chúng ta

Tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII (tháng 10/2023), Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định thành lập Tiểu ban Nhân sự Đại hội XIV. Tiểu ban Nhân sự sẽ quyết định thành lập Tổ Giúp việc của Tiểu ban Nhân sự. Tiểu ban Nhân sự sẽ ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc, chế độ và lề lối làm việc của Tiểu ban Nhân sự và Tổ Giúp việc. Tuy nhiên, để làm tốt công việc hệ trọng này, về tư tưởng, phương châm chỉ đạo, phương pháp và cách làm, cần phải chú trọng một số vấn đề sau đây:

- Công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIV của Đảng không chỉ là nhiệm vụ của Tiểu ban Nhân sự, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Ban Chấp hành Trung ương mà là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị và các địa phương. Phải làm tốt công tác nhân sự từ đại hội đảng bộ các cấp để góp phần chuẩn bị tốt nhân sự cho Đại hội XIV của Đảng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu và ở những nơi có cán bộ tham gia quy hoạch cán bộ cấp chiến lược được giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV phải chịu trách nhiệm trước Tiểu ban Nhân sự, trước Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương về nhân sự do mình đề xuất, giới thiệu.

Công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIV của Đảng không chỉ là nhiệm vụ của Tiểu ban Nhân sự, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Ban Chấp hành Trung ương mà là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị và các địa phương.

- Các cơ quan, tổ chức có liên quan, mà trước hết là Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, phải dày công chuẩn bị, phải xác định đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là nhiệm vụ "then chốt" của "then chốt", có liên quan đến sự sống còn của Đảng, vận mệnh của chế độ, sự phát triển, vững mạnh của đất nước. Từng cơ quan, địa

phương, từng cán bộ trực tiếp tham gia vào công tác chuẩn bị phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc trách nhiệm của mình, toàn tâm, toàn ý lo cho công việc chung, phải đặt lợi ích của Đảng, của đất nước, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm, chỉ ra những ưu điểm, kết quả cũng như những khuyết điểm, hạn chế của các khoá trước, nhất là của khóa XIII, để có thêm cơ sở đề ra phương hướng, yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ của khóa XIV này.

- Công tác cán bộ nói chung và công tác nhân sự đại hội nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng như trên đã nói nhưng cũng cực kỳ phức tạp, khó khăn, vì nó liên quan đến con người, là "công tác con người". Mà đã là con người thì như nhà văn Nga Mắc-xim Goóc-ky đã nói: "Con người, hai tiếng ấy vang lên kiêu hãnh làm sao!". Nhưng con người cũng có đủ thứ chứng tật không lành mạnh, nói ra rất tế nhị, nhạy cảm (nhận xét, đánh giá nhau thế nào? nhất là nói về nhược điểm, khuyết điểm của nhau; bố trí, sắp xếp vào đâu? liên quan đến danh dự, chế độ, chính sách hưởng thụ, chức vụ cao, thấp, lợi ích, bổng lộc... so sánh với người khác thế nào?... ("Thua trời một vạn không bằng thua bạn một ly", "Miếng ăn là miếng tồi tàn, mất ăn một miếng thì lộn gan lên đầu"!) vô cùng phức tạp, nhạy cảm, rất dễ phát sinh vấn đề, tâm tư day dứt), gây mất đoàn kết. Vì vậy, công tác nhân sự Đại hội phải được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, khoa học và nhất quán, bảo đảm thật sự công tâm, thật sự trong sáng, khách quan, đặc biệt phải "có con mắt tinh đời" trong việc đánh giá, giới thiệu, lựa chọn; lấy tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và hiệu quả công tác, uy tín của bản thân và gia đình làm thước đo chủ yếu ("Khen cho con mắt tinh đời, anh hùng đoán giữa trần ai mới già!"). Phải trên cơ sở xác định rõ tiêu chuẩn, tiêu chí để đánh giá đúng cán bộ, lựa chọn đúng người, sắp xếp đúng việc, bố trí đúng chỗ, tạo ra một ê-kíp, một tập thể thật sự "ăn ý", đoàn kết, thống nhất, có sức mạnh. Muốn thế, phải thật sự phát huy dân chủ trong việc phát hiện, giới thiệu nhân sự đi đôi với xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao

vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu. Chống tư tưởng cục bộ, địa phương, thân quen, "cánh hẩu", "lợi ích nhóm"; tránh cách làm giản đơn, tùy tiện, vô nguyên tắc. Phải bằng mọi biện pháp dứt khoát không đưa vào cơ quan lãnh đạo những người không xứng đáng, không đủ tiêu chuẩn, nhất là những người đã phạm sai lầm hoặc sa sút về phẩm chất, đạo đức, vướng vào tham nhũng, chạy chức, chạy quyền, hống hách, gia trưởng, nịnh trên, nạt dưới, bao che cho tội phạm, gây mất đoàn kết, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng. Để những người đó lọt được vào cương vị lãnh đạo là tai họa cho Đảng, là tạo điều kiện cho họ càng hại nước, hại dân nhiều hơn.

Phải kiểm tra, giám sát, đôn đốc thường xuyên. Cách làm là phải thận trọng, làm dứt điểm từng khâu, từng công đoạn, theo một quy trình chặt chẽ; làm đến đâu chắc đến đó, làm nhân sự Ban Chấp hành Trung ương trước, sau đó mới đến nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cuối cùng mới đến nhân sự lãnh đạo chủ chốt. Nếu có những công đoạn cần làm đồng thời thì cũng phải xem xét một cách chặt chẽ, chắc chắn, bảo đảm sự đồng bộ, khoa học. Phải chuẩn bị rất kỹ, rất chu đáo, cẩn thận, tránh tối đa những sai sót.

- Các đồng chí thành viên Tiểu ban Nhân sự và Tổ Giúp việc của Tiểu ban, hơn ai hết, phải nắm chắc, nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc, chế độ, quy chế và lề lối làm việc. Trong quá trình tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự, tổng hợp kết quả giới thiệu nhân sự và thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, các đồng chí thành viên của Tiểu ban và Tổ Giúp việc phải là những cán bộ thật sự tin cậy, tuyệt đối trung thành, trung thực, trong sáng, công tâm, khách quan, đặc biệt là phải rất tỉnh táo, tinh tường, ("đừng nhìn gà hóa cuốc", "đừng thấy đỏ tưởng là chín", đừng chỉ thấy "cái mã bên ngoài, nó che đậy cái sơ sài bên trong")...; tuyệt đối giữ nguyên tắc, quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, cá nhân có liên quan; chống các biểu hiện tiêu cực chính ngay trong các cán bộ có trách nhiệm, các đại biểu Đại hội và các thành viên của Tiểu ban và Tổ

Giúp việc. Đặc biệt, phải có quy chế, quy định chặt chẽ, đồng bộ, bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công tâm dưới sự lãnh đạo của Đảng (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đoàn Chủ tịch Đại hội).

- Cũng cần phải nói thêm rằng, trong quá trình lựa chọn, bố trí, sắp xếp nhân sự cụ thể, cần thống nhất quan điểm là không quá cầu toàn, không quá tuyệt đối hóa. Các cụ ta đã có câu: "Nhân vô thập toàn", con người ta ai cũng có điểm mạnh, điểm yếu ("Ngọc còn có vết nữa mình với ta"). Điều quan trọng là phải biết phân biệt, đánh giá chính xác bản chất, mức độ các điểm mạnh, điểm yếu đó để không chọn nhầm người và phải có cách bố trí, sắp xếp nhân sự sao cho phù hợp để phát huy mặt mạnh, hạn chế mặt yếu của mỗi thành viên, bổ sung cho nhau, tạo ra một ê-kíp mạnh, một tập thể lãnh đạo tương đối hoàn chỉnh, không gây tổn thương cho lợi ích của Đảng, của quốc gia, của tập thể. Nguyên tắc của chúng ta là "tập thể lãnh đạo", "lãnh đạo tập thể", "lãnh tụ tập thể". Chúng ta phải chăm lo xây dựng, vun xới, bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau để mỗi người tự hoàn thiện mình, phát huy mặt tốt, khắc phục mặt yếu; để khi mỗi cá nhân đứng trong cùng một tập thể thì tập thể đó trở nên hoàn thiện hơn, toàn diện, vững mạnh hơn; và mỗi cá nhân cũng trở nên tốt hơn, phát huy được nhiều hơn phẩm chất và năng lực của mình. Tránh tình trạng "cua cậy càng, cá cậy vây", tự cao tự đại, coi thường người khác, không phối hợp, hợp tác tốt. Mục đích của chúng ta, trách nhiệm của chúng ta là phải xây dựng được một Ban Chấp hành Trung ương mạnh, một Bộ Chính trị mạnh, một Ban Bí thư mạnh, thật sự đoàn kết, thống nhất cao xung quanh người đứng đầu để đủ sức gánh vác trọng trách vinh quang nhưng rất nặng nề của mình là lãnh đạo hoàn thành sứ mạng lịch sử, nhiệm vụ chính trị của mình, tổ chức toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ra sức phấn đấu, vượt mọi khó khăn, gian khổ, xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh; đất nước ta ngày càng phát triển; nhân dân ta ngày càng ấm no, hạnh phúc, xứng đáng với niềm tin yêu và sự mong đợi của toàn Đảng, toàn dân" ■

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PGS, TS PHẠM VĂN LINH
Phó Chủ tịch Hội Đồng Lý luận Trung ương

Trải qua gần 40 năm đổi mới đất nước, vấn đề xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là một vấn đề hệ trọng luôn được quan tâm, hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn. Trong các vấn đề đó, phương thức lãnh đạo của Đảng là nội dung đặc biệt quan trọng, qua các kỳ đại hội của Đảng đã từng bước được hoàn thiện phù hợp với điều kiện mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đổi mới, nâng cao hiệu quả phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng có ý nghĩa then chốt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Vấn đề phương thức lãnh đạo của Đảng đã được đề cập ở mức độ nhất định trong nghiên cứu, tuy nhiên, đến Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI, tháng 3/1989), Đảng mới đưa ra khái niệm phương thức hoạt động của Đảng và đổi mới phương thức hoạt động của Đảng trong văn kiện hội nghị.

Đại hội VI của Đảng (12/1986) mở ra thời kỳ đổi mới đất nước. Đại hội tập trung vào đề ra đường lối đổi mới, vào nội dung lãnh đạo của Đảng, đồng thời cũng rất quan tâm tới phương thức lãnh đạo của Đảng. Đại hội đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh công tác

nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, rút ra những kết luận đúng đắn về nội dung, phương thức lãnh đạo, khắc phục những quan niệm sai lầm, lỗi thời. Nhất là đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là mắt xích quan trọng nhất Đảng phải nắm chắc, để thúc đẩy công cuộc đổi mới; đổi mới phong cách làm việc, thông tin nhanh chóng, chính xác. Tăng cường công tác kiểm tra là một chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng.

Phương thức lãnh đạo của Đảng là nội dung đặc biệt quan trọng, qua các kỳ đại hội của Đảng đã từng bước được hoàn thiện phù hợp với điều kiện mới, phát triển nền kinh tế thị trường đướng hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đại hội VII của Đảng (6/1991) lần đầu tiên khái niệm phương thức lãnh đạo của Đảng được đưa vào Văn kiện Đại hội trong cả Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng Đảng và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 1991) được Đại hội thông qua. Trong Cương lĩnh khẳng định: Đảng lãnh đạo xã hội bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật.

Văn kiện Đại hội VIII (6/1996) đánh giá: chỉ rõ việc cải tiến phương thức lãnh đạo và phương pháp công tác có kết quả bước đầu. Đại hội đề ra nhiều chủ trương tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đó là: Đảng đề ra đường lối, chính sách xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nắm

vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo qua tổ chức Đảng chứ không chỉ thông qua các cá nhân đảng viên. Đảng lãnh đạo bằng quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện. Đảng lãnh đạo phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của nhà nước, chứ không điều hành thay nhà nước.

Văn kiện Đại hội IX của Đảng khẳng định lại những chủ trương đúng đắn đã nêu trong văn kiện các Đại hội Đảng trước, Đại hội đề ra nhiều chủ trương mới, như: Tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể, đi đôi phát huy chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân. Kiện toàn tổ chức Đảng gắn với đổi mới tổ chức các cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị xã hội. Sắp xếp tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban, ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, Đảng uỷ; phát huy trách nhiệm vai trò, trách nhiệm của tổ chức Đảng, đảng viên trong các cơ quan nhà nước...

Đại hội X (4/2006) của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, và: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế. Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế Đảng lãnh đạo nhà nước trong từng lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp và từng cấp, từng loại hình tổ chức nhà nước. Cụ thể hóa và thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Xây dựng và hoàn thiện chế độ bầu cử, cơ chế bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ, mở rộng quyền đề cử và tự ứng cử, giới thiệu nhiều phương án nhân sự để lựa chọn. Có cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng người có đức, có tài; thay thế kịp thời người kém năng lực và kém phẩm chất, có khuyết điểm nghiêm trọng. Sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng, đặc biệt các ban Đảng, ban cán sự Đảng, Đảng uỷ khối ở Trung ương và địa phương. Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm

của cơ quan và người đứng đầu không rõ. Đổi mới phong cách và lề lối làm việc thật sự dân chủ, thiết thực, nói đi đôi với làm.

Đại hội XI của Đảng (1/2011) có một số đánh giá về kết quả tích cực đạt được trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ khóa X, và nhấn mạnh: Tập trung bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới, xây dựng đồng bộ hệ thống quy chế, quy định, quy trình công tác; đổi mới phong cách, lối lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo Đảng từ Trung ương đến địa phương, cơ sở. Thực hiện tốt chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu. Phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức Đảng, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội. Đổi mới cách ra nghị quyết, tập trung lãnh đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, giảm bớt bất hợp lý về thủ tục, giấy tờ, hội họp, sâu sát thực tế, cơ sở, nói đi đôi với làm.

Đại hội XII của Đảng (1/2016) có những đánh giá: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước có những nội dung còn lúng túng. Chưa thật sự phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp, chạy tiền vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý tổ chức đảng và đảng viên vi phạm chưa cao, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Từ đó nhấn mạnh các biện pháp cụ thể tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong tình hình mới.

Đại hội XIII của Đảng đánh giá những mặt còn hạn chế trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đã đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong điều kiện mới bằng nhiều chủ trương, giải pháp cụ thể: Yêu cầu cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng thành những quy chế,

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với đồng bào dân tộc xã Toàn Sơn, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình_ Ảnh: TTXVN

quy định, quy trình cụ thể và công khai để cán bộ, đảng viên và nhân dân biết, giám sát việc thực hiện. Quy định cụ thể về Đảng gắn bó với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình, đây là nội dung đã được ghi trong Hiến pháp; về quyền, trách nhiệm của người đứng đầu và quan hệ với tập thể cấp ủy; về phân cấp, phân quyền và kiểm tra, giám sát việc phân cấp, phân quyền. Đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng. Tập trung lãnh đạo việc cụ thể hóa, thể chế hóa, tổ chức thực hiện nghị quyết, nhấn mạnh đây vẫn là khâu yếu; lãnh đạo việc xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo Đảng từ TW đến cơ sở, thực hiện phương pháp làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, bám sát thực tiễn, cầu thị, nói đi đôi với làm.

2. Cần phải khẳng định rằng, phương thức lãnh đạo của Đảng không chỉ có những bước tiến về nhận thức lý luận, sự thay đổi trên thực tiễn đã đem lại lòng tin của Nhân dân với Đảng từng bước được củng cố, năng lực và sức chiến đấu của Đảng không ngừng được nâng lên. Tuy vậy, trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn những hạn chế, bất cập, cần tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và sớm được khắc phục, đó là:

Phải khẳng định rằng, phương thức lãnh đạo của Đảng không chỉ có những bước tiến về nhận thức lý luận, sự thay đổi trên thực tiễn đã đem lại lòng tin của Nhân dân với Đảng từng bước được củng cố, năng lực và sức chiến đấu của Đảng không ngừng được nâng lên.

- Cần làm rõ phạm vi, giới hạn sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tác tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng hệ thống thiết chế nhà nước dân chủ; xây dựng và thực thi Hiến pháp và pháp luật; xây dựng đội ngũ công chức liêm chính, thực sự là công bộc của dân.

- Phân biệt sự lãnh đạo của Đảng về tổ chức và cán bộ với tổ chức, hoạt động của bộ máy công quyền theo nguyên tắc pháp quyền. Mối quan hệ giữa các cơ quan Đảng với cơ quan nhà nước và cả hệ thống chính trị.

- Phân cấp quản lý cán bộ ở trung ương và địa phương; việc quản lý, chọn người đứng đầu tham gia bộ máy nhà nước phù hợp với quy định của luật bầu cử. Vai trò tổ chức đảng, đảng viên, sự nêu gương của đảng viên trong các cơ quan quyền lực nhà nước.

- Vị trí, vai trò của ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước. Kiểm tra, giám sát của Đảng đối với hoạt động của cơ quan nhà nước theo thẩm quyền,...

Thực tiễn quá trình Đảng lãnh đạo Nhà nước và hệ thống chính trị ở Việt Nam, nổi lên một số đặc điểm chính như sau:

Một là, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định sự hình thành,

phát triển và giữ vững bản chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Hai là, Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo đất nước và xã hội được nhân dân thừa nhận.

Ba là, Đảng lãnh đạo xây dựng và hoạt động của Nhà nước pháp quyền, nhưng trong hoạt động của mình luôn đòi hỏi hoạt động của Đảng phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

Bốn là, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng, đồng thời chịu trách nhiệm trước nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Năm là, Đảng lãnh đạo nhằm đảm bảo quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của nhân dân được thực thi trên thực tế. Từ những đặc điểm trên cho thấy, yêu cầu thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền là hết sức quan trọng.

3. Vấn đề Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội được bắt đầu từ Cách mạng tháng Tám thành công và được luật hóa trong các văn bản quan trọng của đất nước. Hiến pháp năm 2013, Điều 4, đã chỉ rõ vai trò, vị trí và chức năng lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền. Mục đích cầm quyền của Đảng là đưa đất nước Việt Nam đi tới phồn vinh, hạnh phúc, dân giầu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Mục tiêu phát triển của đất nước đòi hỏi Đảng cầm quyền phải vì dân, quản lý trong Đảng phải nghiêm minh, mọi hoạt động của Đảng phải vì dân, kiên quyết chống cục bộ, lợi ích nhóm, quan liêu, tham nhũng, xa dân. Cầm quyền dân chủ, theo đó thể chế chính trị, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng phải lấy con người làm trung tâm. Cầm quyền khoa học, đòi hỏi phải nắm vững quy luật, những tri thức, tinh hoa của nhân loại, thành tựu khoa học trong lãnh đạo, quản lý, để thực sự là Đảng của trí tuệ, văn minh và Cầm quyền theo pháp luật,quyền lực phải được giám sát, Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhân dân xây dựng Hiến pháp, pháp luật,

hoạt động của Đảng cũng phải tuân thủ, thượng tôn pháp luật. Khi có chính quyền, phương thức cầm quyền của Đảng là bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước, điều này thể hiện, Nhà nước vừa là công cụ để Đảng cầm quyền, vừa là đối tượng để Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội, ở đó quyền lực chính trị thống nhất với quyền lực công của Nhà nước. Có nhiều công cụ để Đảng thực hiện vai trò cầm quyền, quan trọng nhất là sử dụng Nhà nước; các phương thức lãnh đạo đã được luật định, nhất là đường lối và tổ chức và cán bộ; nguyên tắc tập trung dân chủ; luật pháp và các công cụ khác... Cơ chế vận hành trong phương thức cầm quyền là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ.

Tuy nhiên, khi cầm quyền bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước, các nhà kinh điển Macxit đã từng lưu ý, nguy cơ lớn nhất đối với một đảng cách mạng cầm quyền lâu dài, đó là quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, xa dân, mất đi vai trò tiền phong, gương mẫu; quyền lực của Đảng không được kiểm soát, không chịu sự giám sát của nhân dân, đứng trên pháp luật; Nhà nước chỉ thuần túy là công cụ thừa hành, mất đi tính độc lập, sáng tạo, Đảng không chịu trách nhiệm về những quyết định của mình; nội bộ mất đoàn kết, bộ máy lãnh đạo bị tha hóa,.., do đó để cầm quyền bền vững trước hết phải xây dựng, chỉnh đốn đảng vững mạnh, quản lý đảng nghiêm minh.

Từ tình hình trên, cần làm rõ một số vấn đề, đó là :i). Nội hàm của Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, đặc biệt trong bối cảnh mới, tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. ii). Vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ đặt trong 10 mối quan hệ hiện có, liên quan với xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền. iii). Về kiểm soát quyền lực, phát huy dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền. iv). Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền với yêu cầu tôn trọng nguyên tắc pháp quyền trong hoạt động của Đảng v). Đảng lãnh đạo cán bộ, công tác cán bộ trong hệ thống chính trị với yêu cầu độc lập trong xét xử của Tòa án..

4. Vấn đề Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đây là mối quan hệ lớn, cốt lõi, đặc thù của Việt Nam trong vận hành thể chế chính trị ở Việt Nam. Cả ba chủ thể Đảng, Nhà nước và Nhân dân phải tạo ra sự gắn kết hữu cơ, tác động cùng chiều, tích cực để đất nước ổn định, phát triển nhanh, bền vững. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý phải hướng tới phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, quyền lực thuộc về nhân dân, phát huy được tính tích cực, sáng tạo của người dân. Cơ chế vận hành, chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của ba chủ thể này phải rành mạch, theo hướng "tròn vai, thuộc bài", thích ứng với sự phát triển của đất nước trong từng thời kỳ.

Vấn đề Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đây là mối quan hệ lớn, cốt lõi, đặc thù của Việt Nam trong vận hành thể chế chính trị ở Việt Nam. Cả ba chủ thể Đảng, Nhà nước và Nhân dân phải tạo ra sự gắn kết hữu cơ, tác động cùng chiều, tích cực để đất nước ổn định, phát triển nhanh, bền vững.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm đảm bảo tính thống nhất của Nhà nước, làm cho đường lối, chủ trương của Đảng thông qua hoạt động lập pháp được luật định; thông qua hoạt động hành pháp chuyển hóa thành chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện; thông qua hoạt động tư pháp thực hiện dân chủ, công bằng, công lý cho người dân, doanh nghiệp và xã hội. Cần thống nhất nhận thức, Đảng lãnh đạo bằng đường lối, các định hướng lớn ở tầm dài hạn và trung hạn thể hiện ở cương lĩnh, văn kiện đại hội. Một số vấn đề hệ trọng được thể hiện bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận.. tại các hội nghị trung ương, còn lại tập trung về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Phân cấp nhiều hơn cơ quan nhà nước trong xây dựng văn kiện cụ thể, số lượng các nghị quyết trong mỗi nhiệm kỳ không nên nhiều.

Nhà nước cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật, các công cụ hành chính, kinh tế... Nhà nước là công cụ để

Đảng cầm quyền, lãnh đạo nhưng hoạt động của Nhà nước có tính độc lập tương đối, phù hợp với yêu cầu quản trị nhà nước hiện đại và các quy luật khách quan trong vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiệu quả vận hành cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ là phát huy vai trò chủ thể, sức sáng tạo của Nhân dân, đảm bảo sự ổn định, phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Nhân dân làm chủ vừa là nhân tố chủ đạo, vừa là mục tiêu hướng tới của sự vận hành cơ chế. Đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện phải được thực thi hiệu quả, thực chất. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội, coi người dân là trung tâm càng phải phát huy mạnh mẽ phương châm" dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Nhân dân giám sát quyền lực của Đảng, Nhà nước để tránh lộng quyền, lạm quyền.

Một số vấn đề lý luận và thực tiễn cần tiếp tục làm rõ, đó là:

- Làm rõ cơ chế Đảng chịu sự giám sát của dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình.

- Đảng cầm quyền bằng Nhà nước và thông qua nhà nước trong điều kiện mới.

- Về phạm vi, giới hạn lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước vừa tránh bao biện, làm thay, vừa tránh buông lỏng lãnh đạo.

- Vấn đề thực hiện "Đảng cử dân bầu, ý Đảng lòng dân" trong chế độ một đảng.

- Về đổi mới bầu cử, ứng cử, thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện của người dân, mô hình tổ chức, phương thức hoạt động hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng

5. Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong thời gian tới, cần tập trung một số nhiệm vụ chính như sau:

- Nghiên cứu, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy của Đảng, theo hướng tinh gọn, hiệu quả, khắc phục tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

- Tăng cường phân cấp, sử dụng bộ máy nhà nước trong tham mưu, đề

xuất chủ trương, chính sách phát triển đất nước.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng chủ trương, định hướng chính sách của Đảng; đổi mới quy trình xây dựng và ban hành nghị quyết theo hướng ngắn gọn, rõ điều kiện thực hiện, có số lượng phù hợp, tập trung vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; vấn đề có tính chiến lược, cơ bản, những vấn đề trọng đại của đất nước.

- Hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trong hệ thống các cơ quan nhà nước, đảm bảo các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nguyên tắc hoạt động của cơ quan nhà nước; trách nhiệm, thẩm quyền của người đứng đầu. Tiếp tục nghiên cứu nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo, quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục hoàn thiện, thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Đổi mới quy trình đánh giá cán bộ, đặc biệt quy trình Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú, có đủ năng lực và phẩm chất tham gia các cơ quan nhà nước, phù hợp với các quy định pháp luật về bầu cử.

- Đổi mới, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của Đảng đối với hoạt động của bộ máy nhà nước, hoàn thiện tổ chức của các cơ quan kiểm tra của Đảng, các cơ quan thanh tra, giám sát trong bộ máy nhà nước.

- Phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội trong đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân. Đổi mới mạnh mẽ tổ chức, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội. Nghiên cứu xây dựng, ban hành Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Xây dựng cơ chế thích hợp để Nhân dân tham gia hiệu quả việc xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật, những vấn đề lớn của đất nước; nghiên cứu và hoàn thiện cơ chế để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia xây dựng chính quyền đô thị, nông thôn.

- Có cơ chế thích hợp để các cơ quan báo chí, người dân được tiếp cận đầy đủ thông tin, tham gia xây dựng nhà nước ■

SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG QUA GẦN 40 NĂM ĐỔI MỚI

● **PGS, TS NGUYỄN VĂN GIANG**
Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Thành tựu

1.1. Sự phát triển nhận thức về Đảng

(1) Phát triển nhận thức về bản chất của Đảng

Qua gần 40 năm đổi mới đã có sự chuyển biến, phát triển nhận thức có tính bước ngoặt về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nếu như từ Đại hội IV đến Đại hội VI, Đảng luôn khẳng định "Đảng cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân Việt Nam", đến Đại hội VII, Đảng ta đã có phát triển nhận thức với việc phân biệt bản chất giai cấp của Đảng với vấn đề Đảng của ai? Đại hội VII lần đầu tiên khẳng định "Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc". Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã có sự phát triển có tính bước ngoặt trong nhận thức về bản chất của Đảng với việc diễn đạt mới về Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc"[1]. Với diễn đạt mới về Đảng này, đã xác định rõ hơn, đầy đủ hơn bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng luôn mang bản chất của giai cấp công nhân, nhưng trong điều kiện đảng cầm quyền, Đảng đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

(2) Phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần

thứ VII (1991), Đảng ta đã xác định Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận trong nền tảng tư tưởng của Đảng: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"[2]. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đưa ra định nghĩa Tư tưởng Hồ Chí Minh: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại". Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta[3].

(3) Bổ sung, phát triển các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng trong tình hình mới. Trên cơ sở các nguyên lý về cách tổ chức, hoạt động của chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân của chủ nghĩa Mác-Lênin, trong quá trình cầm quyền từ năm 1975 đến này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng và phát triển các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Sau 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng Đảng Nhà nước pháp quyền XHCN và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (2006) đã bổ sung vào Điều lệ Đảng 2 nguyên tắc: Đảng giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân và Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, đưa hệ thống nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng thành 5 nguyên tắc cho phù hợp yêu cầu tổ chức và hoạt động của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền. Đây là thành quả của quá trình hoạt động thực tiễn và phát triển lý luận xây dựng Đảng lâu dài của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhất là qua 20 năm lãnh đạo đổi mới, đánh dấu bước phát triển nhận thức mới của Đảng về các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

(4) Phát triển nhận thức về mối quan hệ giữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng, chỉnh đốn hệ thống

chính trị, gắn liền hai mặt công tác này với nhau. Khi trở thành đảng cầm quyền, Đảng là lực lượng lãnh đạo xã hội thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Nhà nước tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thông qua chức năng quản lý Nhà nước. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội vận động thành viên, hội viên, đoàn viên thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình. Tất cả hợp thành một hệ thống, một chỉnh thể thống nhất, không thể có Đảng trong sạch, vững mạnh khi các tổ chức khác trong hệ thống chính trị không trong sạch, vững mạnh. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống thực chất cũng là góp vào xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo của Đảng. Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phải gắn liền xây dựng Đảng với xây dựng hệ thống chính trị, nói cách khác, xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị là một chỉnh thể đi liền với nhau. Điều này thể hiện sự phát triển nhận thức của Đảng về vị trí, mối quan hệ, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng và xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị trong điều kiện mới.

(5) Phát triển nhận thức về chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; mối quan hệ giai cấp và dân tộc trong điều kiện đảng cầm quyền. Từ kinh nghiệm thực tiễn sau khi trở thành đảng cầm quyền trên phạm vi cả nước năm 1975 và quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có sự nhận thức và xử lý phù hợp hơn các vấn đề về chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong tình hình mới. Một mặt Đảng vẫn luôn trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, tích cực ủng hộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế theo khả năng của mình, mặt khác, Đảng đã từng bước đổi mới chính sách đối ngoại. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đánh dấu bước phát triển mới trong nhận thức, chính sách đối ngoại của Đảng với việc đề ra đường lối đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt

Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"[4]. Nhờ bước đổi mới mạnh mẽ, kịp thời này đã giúp Đảng ta mở rộng quan hệ quốc tế, phá thế bao vây của của các thế lực thù địch. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng nhấn mạnh hơn việc bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc: "Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế"[5]. Quan điểm chỉ đạo đó thể hiện rõ hơn sự vận dụng và phát triển sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ quốc tế của đảng cộng sản trong điều kiện đảng cầm quyền hiện nay.

(6) Phát triển nhận thức về vị trí, vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng: Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống đó. Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

(7) Phát triển nhận thức về những nguy cơ lớn đối với Đảng cầm quyền hiện nay. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã chỉ rõ: Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: Sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

1.2. Sự phát triển nhận thức về xây dựng, chỉnh đốn Đảng

(1) Phát triển nhận thức về vị trí, vai *trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.*

Một là, sớm khẳng định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt của công cuộc đổi mới. Đại hội VI của Đảng khởi động công cuộc đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, trong đổi mới tư duy có việc đổi mới tư duy về sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng. Ngay từ Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 21-7-1992 của Ban Bí thư về việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VII đã xác định: "phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt"[6] của công cuộc đổi mới. Đây là một sự phát triển nhận thức quan trong của Đảng về vị trí, vai trò của Đảng và xây dựng Đảng.

Hai là, xác định xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh không chỉ để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, mà còn là nhân tố quyết định bảo đảm sự bền vững của Đảng và chế độ.

Ba là, cùng với xây dựng Đảng, nhấn mạnh việc chỉnh đốn Đảng. Hội nghị Trung ương 8 khóa VI (tháng 3-1990) đã đặt yêu cầu phải chỉnh đốn Đảng. Từ đó đến nay, chỉnh đốn Đảng luôn được gắn liền với xây dựng Đảng, thể hiện sự gắn bó giữa "xây" và "chống". Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: "Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó xây dựng Đảng là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách"[7].

Bốn là, gắn xây dựng Đảng với xây dựng cả hệ thống chính trị. Đại hội XIII của Đảng đặt vấn đề tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cả hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Năm là, nhấn mạnh vấn đề Đảng cầm quyền gắn với tư duy về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

(2) Nhận thức rõ về quy luật Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Ngay từ khi khởi đầu đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát hiện quy luật này và khẳng định: Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới

phong cách lãnh đạo và công tác. Điều lệ Đảng hiện nay quy định: "Đảng Cộng sản Việt Nam... thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng"[8].

(3) Phát triển nhận thức về cấu trúc công tác xây dựng Đảng. Muốn làm tốt công tác xây dựng Đảng phải nhận thức rõ các nội dung cơ bản của công tác này. Quá trình xây dựng Đảng gần 40 năm qua, Đảng đã liên tục quan tâm phát triển nhận thức về vấn đề này và đã có những thành tựu quan trọng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã phát triển nhận thức về mối quan hệ 3 mặt công tác xây dựng Đảng, đề ra phương châm, chủ trương, biện pháp cụ thể thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng về 3 mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đại hội khẳng định: "Đảng ta quan niệm xây dựng Đảng là một quá trình thống nhất giữa các mặt xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng đặt đúng vị trí của mỗi mặt ấy, đồng thời kết hợp chặt chẽ các mặt ấy với nhau"[9]. Tuy nhiên, từ yêu cầu của thực tiễn xây dựng Đảng trong quá trình đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã phát triển vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức thành một nội dung, nhiệm vụ xây dựng đảng mới. Đến Đại hội XIII, do vai trò quan trọng của cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ trong tình hình mới, Đảng ta đã phát triển việc xây dựng đội ngũ cán bộ thành một mặt chủ yếu của xây dựng đảng. Vì vậy, từ cấu trúc công tác xây dựng Đảng với 3 nhiệm vụ: Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, qua quá trình 40 năm xây dựng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát triển cấu trúc công tác xây dựng Đảng thành 5 mặt cơ bản: chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đây là một thành tựu của công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới qua 40 năm.

(4) Phát triển nhận thức trong xây dựng Đảng về chính trị. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đưa xây dựng Đảng về chính trị lên vị trí hàng đầu với khẳng định: "Đảng ta coi việc xây dựng Đảng về chính trị có ý nghĩa quan trọng hàng đầu"[10]. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã xác định rõ nhiệm vụ cơ bản của xây dựng

Đảng về chính trị trong thời kỳ đổi mới là: "...hoàn thiện đường lối đổi mới và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện"[11]. Đến Đại hội XIII, Đảng đã khái quát nguyên tắc xây dựng Đảng về chính trị thành hệ quan điểm 4 kiên định: "Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"[12]. Cần khẳng định đây là những thành tựu quan trọng về nhận thức lý luận của Đảng.

(5) Phát triển nhận thức trong xây dựng Đảng về tư tưởng: Quá trình xây dựng Đảng 40 năm qua, Đảng đã nhận thức rõ hơn vị trí, vai trò xây dựng Đảng về tư tưởng trong điều kiện đảng cầm quyền. Qua thực tiễn đã xác định rõ tổng kết thực tiễn là cơ sở hàng đầu để nghiên cứu, phát triển lý luận của Đảng. Các nguyên tắc công tác tư tưởng trong điều kiện đảng cầm quyền đã được phát triển từ 3 nguyên tắc (tính đảng, tính khoa học, tính thống nhất giữa lý luận với thực tiễn) lên thành 6 nguyên tắc: Tính đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn, kịp thời và hiệu quả[13].

(6) Phát triển nhận thức trong xây dựng Đảng về đạo đức: Ngay từ khi thành lập Đảng đến nay, Đảng ta luôn quan tâm công tác xây dựng Đảng về đạo đức nhưng vẫn coi là một nội dung trong xây dựng Đảng về tư tưởng. Từ khi thực hiện đường lối đổi mới, nhận thức, quan điểm của Đảng ta trong xây dựng Đảng về đạo đức ngày càng được bổ sung, hoàn thiện. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (năm 2016) đã đề ra mục tiêu: "Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức"[14]. Như vậy, xây dựng Đảng về đạo đức đã trở thành một điểm mới trong Văn kiện Đại hội XII, một nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách mới của công tác xây dựng Đảng. Việc đưa xây dựng Đảng về đạo đức thành một nội dung chủ yếu trong xây dựng Đảng không chỉ là yêu cầu của thực tiễn mà còn là một thành tựu lý luận về xây dựng Đảng trong điều kiện mới.

(7) Phát triển nhận thức trong xây dựng Đảng về tổ chức: Đảng khẳng định xây dựng Đảng là một quá trình

thống nhất giữa các mặt xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó Đảng rất coi trọng xây dựng Đảng về tổ chức. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xây dựng Đảng về tổ chức được đặt ra là một trong 10 nhiệm vụ, giải pháp lớn của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ XIII. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) đã lần đầu tiên xác định nguyên tắc chỉ đạo xây dựng Đảng về tổ chức: "Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị"[15]. Đây là một thành tựu quan trọng về nhận thức lý luận của Đảng trong xây dựng Đảng về tổ chức.

(8) Phát triển nhận thức trong xây dựng Đảng về cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ: Năm 1997, lần đầu tiên, Đảng đã ban hành Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Chiến lược cán bộ xác định hệ thống các quan điểm, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ công tác cán bộ, đánh dấu bước phát triển lớn lý luận về công tác cán bộ và xây dựng Đảng về cán bộ.

Qua thực tiễn công tác cán bộ 40 năm qua, Đảng nhận thức rõ hơn khái niệm cán bộ, các loại cán bộ; công tác cán bộ, các khâu công tác cán bộ, các quan điểm chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ. Cùng với chủ trương đẩy mạnh xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ, Đảng đã đề ra chủ trương xây dựng tiêu chí đánh giá cán bộ. Trong đánh giá cán bộ đã phát triển quan điểm đánh giá cán bộ: Từ chủ yếu cấp ủy đánh giá sang kết hợp nhiều kênh đánh giá; từ tiêu chuẩn sang tiêu chí đánh giá theo hướng: Xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Đã phát triển quan điểm về quy hoạch, luân chuyển, bố trí cán bộ: Đề ra quan điểm, chủ trương mới về quy hoạch, luân chuyển, bố trí cán bộ, như: coi luân chuyển cán bộ là khâu đột phá để phá vỡ tình trạng trì trệ, khép kín trong công tác cán bộ; bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý không quá 2 nhiệm kỳ; bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt không phải là người địa phương...

Phát triển nhận thức về tuyển chọn cán bộ với chủ trương đổi mới các

hình thức tuyển chọn cán bộ, như: thi tuyển, bầu cử, bổ nhiệm, đề cử... Bổ sung vấn đề kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền; xử lý nghiêm minh, đồng bộ kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ có vi phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Về công tác bảo vệ chính trị nội bộ: đã phát triển khái niệm Công tác bảo vệ Đảng thành công tác bảo vệ chính trị nội bộ từ Chỉ thị 23-CT/TW, ngày 12-6-1993 của Bộ Chính trị khóa VII về "Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới". Phát triển các nguyên tắc công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng: Trước đây mới chỉ nêu các phương châm trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nhưng đến Quy định số 126-QĐ/TW ngày 28/2/2018 của Bộ Chính trị khóa XII "Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng" đã đề ra 6 nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

(9) Phát triển nhận thức trong xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên:

Về xây dựng tổ chức cơ sở đảng: Đã phát triển quan niệm, cách xây dựng tổ chức cơ sở đảng. Trước sự phát triển mạnh mẽ các đơn vị cơ sở là các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước, Đại hội XI đã thay đổi chủ trương về cách lập tổ chức cơ sở đảng, bỏ quy định cứ đơn vị cơ sở có 3 đảng viên chính thức trở lên thì lập tổ chức cơ sở đảng, mà giao cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định cụ thể. Từ Đại hội XIII Đảng đã có chủ trương nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện thí điểm việc tổ chức sinh hoạt đảng theo tổ đảng ở những chi bộ có đông đảng viên.

Về đảng viên và công tác đảng viên: Một phát triển nhận thức quan trọng về công tác đảng viên trong 40 năm qua là về tiêu chuẩn đảng viên trong điều kiện mới với việc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân. Đại hội khẳng định: Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, chúng ta không xem kinh tế tư nhân là gắn với chủ nghĩa tư bản, mà lãnh đạo kinh tế tư nhân phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, đảng viên có thể làm kinh tế tư nhân trên cơ sở gương mẫu chấp

hành luật pháp, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương[16].

Trong công tác đảng viên 40 năm qua còn có nhiều nhận thức mới và đổi mới về chủ trương, nhiệm vụ, nội dung, cách tiến hành, từ kết nạp đảng viên đến quản lý, phân công nhiệm vụ, đánh giá, phân loại đảng viên.

(10) Phát triển nhận thức về công tác dân vận và mối liên hệ mật thiết Đảng với nhân dân: Phát triển các quan điểm chỉ đạo công tác dân vận: Nghị quyết số 08B-NQ/HNTW, ngày 27/3/1990 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân xác định 4 quan điểm chỉ đạo: Một là, cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân; Hai là, động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân; Ba là, các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng; Bốn là, công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể. Đến Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới đã chỉnh sửa, phát triển thành 5 quan điểm. Quá trình đổi mới, Đảng đã phát triển, hoàn thiện nhận thức về cơ chế: "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"[17].

(11) Phát triển nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng: Trong 40 năm qua, nhận thức lý luận của Đảng về khái niệm kiểm tra, giám sát; quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc, phương châm công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng đã liên tục được phát triển, hoàn thiện, thu được kết quả tích cực. Từ Đại hội IX (2001), Đảng đã chuyển trọng tâm công tác kiểm tra sang kiểm tra đảng viên, tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra. Đại hội X (2006) đã bổ sung thêm công tác giám sát gắn liền công tác kiểm tra. Đảng đã đề ra chủ trương công khai kết quả kiểm tra,

giám sát, kỷ luật; chủ trương tăng thẩm quyền cho cơ quan kiểm tra của Đảng; đổi mới quan điểm, chủ trương về công tác kỷ luật Đảng phù hợp với yêu cầu xây dựng Đảng trong điều kiện mới và yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong điều kiện mới.

(12) Phát triển nhận thức về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong Đảng và hệ thống chính trị

Về kiểm soát quyền lực: Tại Đại hội XI, lần đầu tiên khái niệm kiểm soát quyền lực chính thức được ghi nhận trong quan điểm chỉ đạo quá trình đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: "quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp"[18]. Đặc biệt, đến Đại hội XII, vấn đề kiểm soát quyền lực đã trở thành một nội dung quan trọng được nhấn mạnh: "Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương"[19].

Về phòng, chống tham nhũng, lãng phí: Đảng đã có sự phát triển nhận thức về vị trí, vai trò công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Từ Đại hội XII, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trở thành một nhiệm vụ chủ yếu, trong tâm của công tác xây dựng Đảng. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được coi là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

(13) Phát triển nhận thức về phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng. Từ nhận thức còn giản đơn về phương thức lãnh đạo, 40 năm qua, nhận thức của Đảng về phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền đã có bước tiến lớn. Năm 1989, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI đã sử dụng khái niệm phương thức lãnh đạo thay cho các khái niệm "phương pháp lãnh đạo", "tác phong công tác". Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định cụ thể phương thức lãnh đạo của Đảng. Cương lĩnh hiện nay xác định: Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và

chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Cùng với sự phát triển nhận thức của Đảng về phương thức lãnh đạo, trong quá trình đổi mới, Đảng đã có nhận thức rõ hơn về đảng cầm quyền, phương thức cầm quyền của Đảng. Đại hội XII (2016) của Đảng chủ trương: "Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần phải phòng ngừa đối với đảng cầm quyền". Đây là lần đầu tiên, vấn đề đảng cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền được Đảng ta chính thức đề cập trong văn kiện Đảng, thể hiện sự phát triển nhận thức quan trọng của Đảng về vấn đề phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền.

2. Hạn chế, bất cập

Hạn chế, bất cập trong phát triển lý luận về đảng cầm quyền: Lý luận về Đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đến nay chưa đủ rõ cả về khái niệm, nội dung, mô hình, phương thức cầm quyền. Nhận thức về dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền còn hạn chế. Chậm cụ thể hóa mối quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ".

Hạn chế, bất cập trong phát triển lý luận về bản chất của Đảng: Nghiên cứu về phát triển mới trong diễn đạt về Đảng: Đảng "đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam" chưa nhiều, chưa làm rõ một cách hệ thống, sâu sắc cơ sở lý luận, thực tiễn; nội dung, yêu cầu của vấn đề này.

Hạn chế, bất cập trong phát triển lý luận về nền tảng tư tưởng của Đảng: Kết quả nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn dàn trải, chưa gắn kết chặt chẽ với những vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam còn nhiều việc phải làm. Nghiên cứu về hình hình thế giới, khu vực và vấn đề thời đại chưa sâu sắc, toàn diện. Nghiên cứu những trào lưu tư tưởng, học thuyết mới, lý thuyết mới chưa được nhiều. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cung cấp luận cứ khoa học làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, quan điểm của Đảng còn hạn chế, một số vấn đề thực tiễn đặt ra chưa được làm rõ về lý luận.

Hạn chế, bất cập trong phát triển lý luận về các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng: Việc nghiên cứu làm rõ về lý luận các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng trong điều kiện mới chưa đáp ứng yêu cầu. Một số nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được làm rõ, như cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể và cá nhân trong chế độ "tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách". Nội dung nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật có nhiều vấn đề còn ở mức nhận thức đại cương.

Hạn chế, bất cập trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng: Nội dung và phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện một đảng cầm quyền nói chung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và từng tổ chức trong hệ thống chính trị nói riêng vẫn còn những vấn đề chưa rõ, chưa được cụ thể hóa.

Hạn chế, bất cập trong phát triển lý luận về chủ nghĩa quốc tế của GCCN khi đảng cộng sản cầm quyền: Nghiên cứu, luận giải những biến dạng và xu hướng phát triển của chủ nghĩa quốc tế của GCCN khi đảng cộng sản cầm quyền chưa nhiều.

Nghiên cứu xây dựng Đảng về chính trị còn ít, nên nhận thức về nội dung, phương thức xây dựng Đảng về chính trị chưa thật sâu sắc, đầy đủ. Tuy công tác tư tưởng là hoạt động

chủ yếu để xây dựng Đảng về tư tưởng được nghiên cứu rất sâu rộng, nhưng nghiên cứu chuyên biệt nội dung, phương thức xây dựng Đảng về tư tưởng ít được quan tâm nên không ít trường hợp lẫn lộn giữa xây dựng Đảng về tư tưởng và công tác tư tưởng, lúng túng trong nhận thức, nghiên cứu, chỉ đạo thực tiễn. Nghiên cứu xây dựng Đảng về đạo đức được triển khai khá mạnh sau Đại hội XII, tuy nhiên nội dung, phương thức xây dựng Đảng về đạo đức đến nay chưa thật thống nhất.

Việc nghiên cứu về mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị cho phù hợp với điều kiện mới còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu.

Việc thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương của Đảng về một số nội dung trong công tác cán bộ còn chậm, còn một số ít nội dung chưa thống nhất giữa pháp luật của Nhà nước với quy định của Đảng. Việc nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá cán bộ theo hướng cụ thể, lượng hóa còn chậm, nhất là tiêu chí đánh giá về phẩm chất chính trị, đạo đức.

Trong công tác đảng viên, việc nghiên cứu về tiêu chuẩn đảng viên, quản lý đảng viên trong điều kiện mới, đảng viên đi làm ăn xa chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Vấn đề phát triển đảng viên là doanh nhân còn lúng túng về lý luận. Nghiên cứu về mô hình tổ chức cơ sở đảng để khắc phục tình trạng cơ sở trong cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu; nghiên cứu về đảng bộ bộ phận chưa giúp xây dựng các quy định cụ thể về hình thức tổ chức đảng này; nghiên cứu xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Việc nghiên cứu, cụ thể hóa, thể chế hóa cơ chế: "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Một số vấn đề lý luận, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới chưa đáp ứng yêu cầu, có vấn đề còn lúng túng, như quan niệm về vấn đề lịch sử chính trị.

Lý luận, cơ chế kiểm soát quyền lực đối với tổ chức và người có chức vụ, quyền hạn chưa đủ rõ, mạnh ■

[1, 8] ĐCSVN: *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.4, 6.

[2] ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập,* t.51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.253-254.

[3] ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88.

[4] ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.120.

[5] ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* t.2, Nxb chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.153.

[6] ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập,* t.52, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2007, tr.253.

[7, 13] ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* t.II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.227, 233.

[9, 10] ĐCSVN: *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng,* Nxb Sự thật, Hà Nội,1971, tr.87-88, 88.

[11] ĐCSVN: V*ăn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.281.

[12, 17] ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.109, 173.

[14, 19, 20] ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.202, 203, 217.

[15] ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu BCHTW khóa XII,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017, tr.43-44.

[16] ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.358-359.

[18] ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu BCHTW khóa XI,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.247

[21] Qua rà soát khi xây dựng *Văn kiện Đại hội XIII* (2020), còn 29 nội dung chưa thống nhất giữa pháp luật của Nhà nước với quy định của Đảng về tổ chức và cán bộ.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

● **PGS, TS NGÔ TUẤN NGHĨA**
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Những nội dung về hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII còn nguyên giá trị

Đại hội XIII chỉ rõ những nội dung cốt lõi của sự phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cụ thể như sau:

1.1. Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

** Về nội hàm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định:*

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của nền kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

** Về sở hữu và các thành phần kinh tế:*

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được

củng cố, phát triển. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước:

Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được sử dụng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước và cơ bản được phân bổ theo cơ chế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, quốc phòng, an ninh; hoạt động theo cơ chế thị trường, quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế; lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

- Về vai trò của kinh tế tập thể:

Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có phạm vi hoạt động rộng lớn, với vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên. Liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp các hợp tác xã.

- Về vai trò của kinh tế tư nhân:

Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân hợp tác, liên kết với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, kinh tế hộ; phát triển các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể xã hội, nhất là người lao động.

- Về vai trò của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

** Về mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội:*

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa Nhà nước, thị trường và xã hội có quan hệ chặt chẽ:

Nhà nước thực hiện: Xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế. Tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và thị trường hoạt động. Điều tiết, định hướng, thúc đẩy kinh tế phát triển, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, đời sống của nhân dân, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với yêu cầu và quy luật của nền kinh tế thị trường.

Thị trường:

Đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ. Tạo động lực huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực. Điều tiết sản xuất và lưu thông. Điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém.

Các tổ chức xã hội:

Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp các hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên. Đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác. Cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên. Phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

1.2. Về tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

** Về xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia*

Một là, xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

Hai là, hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới.

Ba là, tập trung sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế.

Bộ là, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm cá nhân và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, các ngành.

** Về hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường*

- Về hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ các yếu tố thị trường:

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ, kể cả dịch vụ công cơ bản.

- Về phát triển các loại thị trường:

Phát triển thị trường các yếu tố sản xuất để thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực. Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo phương thức tổ chức, giao dịch văn minh, hiện đại, thương mại điện tử. Phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm... trên nền tảng công nghệ số với kết cấu hạ tầng, công nghệ và phương thức giao dịch hiện đại. Phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ. Phát triển và quản lý chặt chẽ thị trường bất động sản; thị trường quyền sử dụng đất. Phát triển thị trường lao động linh hoạt gắn với cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp tham gia hình thành và điều tiết các quan hệ kinh tế thị trường. Xử lý tốt những bất cập của cơ chế thị trường, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

** Về tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp*

Đẩy nhanh việc xử lý nợ, thoái vốn, cổ phần hóa, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước. Thúc đẩy đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, áp dụng chế độ quản trị doanh nghiệp hiện đại để nâng cao hiệu quả, đồng thời kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp, không để thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, các hợp tác xã,

doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ, trang trại trong nông nghiệp. Hoàn thiện thể chế thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả các dự án đối tác công - tư trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng. Ưu tiên những dự án đầu tư nước ngoài có trình độ công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sử dụng lao động có kỹ năng. Đầu tư vào những ngành, lĩnh vực cần ưu tiên phát triển; có liên kết, chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước phát triển, tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

1.3. Về xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

Điểm đặc sắc trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng về hoàn thiện đồng bộ thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là, Đảng ta đưa nội dung xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là một nội dung của hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

** Tư duy về độc lập, tự chủ*

Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước. Phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước. Giữ vững các cân đối lớn, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế.Không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia.

** Về nâng cao hiệu quả hội nhập*

Đại hội lần thứ XIII của Đảng chủ trương: Thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế. Tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài. Chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Thực hiện nhiều hình thức hội nhập kinh tế với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với những điều ước

quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, trước hết là cán bộ trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế.

Trên đây là những nội dung cơ bản về hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Để đường lối của Đảng được triển khai hiệu quả, cần rất nhiều nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương trong tổ chức thực hiện.

2. Một số kiến nghị định hướng phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đến năm 2030, tầm nhìn 2045

Để tiếp tục hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đến năm 2030, tầm nhìn 2045, xin kiến nghị một số điểm như sau:

2.1. Bổ sung nội dung về tiếp tục đổi mới tư duy thể chế và tư duy phát triển kinh tế thị trường

Thực tiễn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam trong bối cảnh mới hiện nay đang đặt ra yêu cầu phải kịp thời đổi mới tư duy và hành động, tích cực nhấn mạnh chuyển từ tư duy xin cho mang dấu ấn cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang nhất quán tư duy thực hành phân bổ nguồn lực cũng như vận hành thể chế theo các tín hiệu thị trường. Thể chế pháp luật phải được xây dựng đầy đủ, đồng bộ, phù hợp với đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội.

Tiếp tục khẳng định nội hàm lấy con người làm trung tâm của phát triển kinh tế thị trường và người dân phải được chăm lo, được chia sẻ những thành quả của quá trình phát triển kinh tế.

2.2. Bổ sung nội hàm mới về thực hiện đồng bộ các yếu tố cấu thành thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với cấp độ quản trị đất nước

Về nội dung này, Văn kiện Đại hội XIV cần tiếp tục làm rõ hơn tinh thần thực hiện theo thẩm quyền để tạo ra sự đồng bộ về cơ chế, chính sách, thi

hành nghiêm pháp luật, bảo đảm tiến độ, chất lượng, đầy đủ, khả thi, chi phí tuân thủ thấp trong quá trình áp dụng pháp luật tại các cấp địa phương. Các cấp, các ngành cần tham gia chủ động, sáng tạo vào quá trình xác lập thể chế về sở hữu, các thành phần kinh tế, đơn giản hóa thủ tục, tạo thuận lợi tốt nhất cho sự ra đời, phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các chuẩn mực đã được quy định cần được thực thi trên cơ sở tổng kết tích cực vì lợi ích chung.

Đối với các cấp chính quyền địa phương cần đổi mới mạnh mẽ phương thức quản trị địa phương theo hướng chuyển giao dần những công việc mà chính quyền địa phương không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội, chuyển đổi cung cấp trực tiếp dịch vụ công sang phương thức đặt hàng. Đổi mới phân cấp, phân quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Chính quyền địa phương thực hiện giữ vai trò định hướng phát triển chung của địa phương mình. Tập trung thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản, giải quyết các vấn đề xã hội, thực thi pháp luật, cải thiện môi trường kinh doanh và bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn. Các cấp chính quyền địa phương cần tích cực vào cuộc trong quá trình thúc đẩy chuyển đổi số. Đẩy nhanh việc xây dựng các khung cơ chế, áp dụng chính quyền điện tử, hoàn thiện cơ chế về các giao dịch mới, xây dựng cơ sở dữ liệu quan trọng và đưa vào kết nối nền tảng dữ liệu quốc gia. Thực hiện sáng tạo trong việc sử dụng nguồn lực đầu tư, ưu tiên thu hút nguồn lực của xã hội để phát triển các cơ sở kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương phù hợp với quy định của pháp luật và cơ chế bảo vệ đổi mới sáng tạo. Thực hiện chế độ quản trị các đô thị, các vùng kinh tế thông suốt, hạn chế phiền hà, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước tại địa phương.

Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, thống kê, kiểm soát phù hợp với chuẩn mực quốc gia, quốc tế, nâng cao chất lượng công tác phân tích, dự báo, nắm bắt tình hình phát triển kinh tế thị trường địa phương, thống kê chính xác sự phát triển kinh tế địa phương để có các quyết định quản trị địa

phương sát hợp. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển địa phương một cách khoa học, có tầm nhìn nhất quán, thống nhất với lợi ích phát triển lâu dài của quốc gia, dân tộc. Việc lựa chọn đầu tư, giao, cho thuê mặt bằng đối với các chủ thể sản xuất kinh doanh với môi trường thông thoáng, chú ý với các chủ thể nước ngoài trong lựa chọn, thu hút đầu tư nhằm tránh những hệ lụy lâu dài.

3.3. Khẳng định nguyên tắc thị trường quyết định việc huy động, phân bổ các nguồn lực đi đôi với nâng cao năng lực điều tiết của nhà nước để đảm bảo gắn thúc đẩy tăng trưởng đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội

- Về góp phần xác lập thể chế huy động và sử dụng nguồn lực:

Thu hút tối đa các nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực đầu tư, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước. Các nguồn lực kinh tế phải được kiểm kê, đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ để quản lý, bảo vệ,

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nội dung quan trọng trong đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng _ Ảnh: MH

khai thác sử dụng tiết kiệm, hợp lý và bền vững. Áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng và phân bổ các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông.

Ở các địa phương, cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân tại địa phương phát triển nhanh, bền vững, đa dạng cả về quy mô, chất lượng. Điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, mang tầm nhìn nhất quán, phù hợp với chuẩn mực quốc tế mà Việt Nam đã cam kết. Chú trọng chuyển đổi tư duy thu hút đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng, ưu tiên các dự án có công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, có mô hình quản trị hiện đại, có chuỗi cung ứng toàn cầu, có tác động lan tỏa và kết nối chặt chẽ với khu vực kinh tế trong nước gắn với từng địa phương.

Phát triển các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị gia tăng nội địa của sản phẩm địa phương, sức cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Xây dựng các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Xây dựng cơ chế bình đẳng trong thu hút doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài. Không xem xét mở rộng, gia hạn hoạt động đối với những dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên...

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi sự gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội. Quá trình này đòi hỏi sự nhập cuộc thật sự từ tất cả các cấp, các ngành, trong đó đặc biệt có các cấp chính quyền địa phương cũng như nhân dân.

- Về thực hiện xác lập vững chắc, thực chất sự gắn kết giữa tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi sự gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội. Quá trình này

đòi hỏi sự nhập cuộc thật sự từ tất cả các cấp, các ngành, trong đó đặc biệt có các cấp chính quyền địa phương cũng như nhân dân. Muốn vậy, trước hết phải gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Khơi dậy tinh thần cộng đồng, ý chí vươn lên của nhân dân. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, bình đẳng, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ hài hòa trong huy động các nguồn lực phát triển địa phương. Thuận lợi hóa các quy trình thực hiện thụ hưởng thành quả phát triển cho nhân dân.

Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo sâu rộng, khơi dậy ý chí vươn lên của người nghèo, hộ nghèo; tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ Nhà nước, của cộng đồng để tích hợp kết quả trong giảm nghèo bền vững tại địa phương. Chú ý thỏa đáng quyền lợi hợp lý của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương, người có công, xử lý dứt điểm các tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công, tạo sự đồng thuận trong nhân dân về tính ưu việt của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam ■

Tài liệu tham khảo:

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* t.I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

2. David S.Landes: *Sự giàu nghèo của các dân tộc,* Nxb Tri thức, Hà Nội, 2020.

3. Daron Acemoglu: T*ại sao các quốc gia thất bại,* Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2013.

4. Hội đồng Lý luận Trung ương: *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

5. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

XÂY DỰNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

● PGS, TS LÊ KIM VIỆT

I. NHỮNG PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC, TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Nhìn lại quá trình xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các tổ chức chính trị - xã hội, có thể nhận thấy, Đảng ta đã có sự phát triển nhận thức, tư duy lý luận mang tính đột phá, thể hiện trên một số nội dung:

1.1. Quá trình phát triển nhận thức tư duy lý luận về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Trong gần 40 năm đổi mới, Đảng luôn quan tâm, đề cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng, bảo vệ tổ quốc. Điều đó được thể hiện:

Một là, nhận thức, tư duy lý luận về vị trí, vai trò, mối quan hệ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với Đảng, Nhà nước được nâng lên và ngày càng được củng cố.

Tại Đại hội VI của Đảng, vị trí, vai trò và mối quan hệ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vơi Đảng, Nhà nước được xác định là "đại diện cho quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, hỗ trợ đắc lực và là hậu thuẫn cho hoạt động của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước". Từ thực tiễn lịch sử đấu tranh giành chính quyền và trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, vảo vệ Tổ quốc, Đảng ta đã nhận thức đầy đủ hơn vị

trí, vai trò, mối quan hệ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân với Đảng, Nhà nước. Đại hội XIII của Đảng xác định Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là "nòng cốt chính trị", "là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân"; là chỗ dựa tin cậy để xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Thông qua vai trò đại diện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân.

Trong gần 40 năm đổi mới, Đảng luôn quan tâm, đề cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng, bảo vệ tổ quốc.

Hai là, phát triển nhận thức, tư duy lý luận của Đảng về vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền.

Kế thừa và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, từ Đại hội lần thức VI của Đảng, Đảng ta xác định "Dựa vào dân để xây dựng Đảng, chính quyền". Đây là quan điểm chỉ đạo nền tảng đối với công tác xây dựng Đảng. Sau Đại hội VI, Đảng đã liên tiếp cụ thể hóa quan điểm đó bằng chỉ thị, nghị quyết, quyết định nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trậnTổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền. Trước hết là Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, trong đó nhấn mạnh: "Mặt trận và các đoàn thể phối hợp với chính quyền trong việc thực hiện và giám sát thực hiện các quy chế dân chủ ở cơ sở". Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban chấp hành Trung ương Khóa XI Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay nhấn mạnh: "Định kỳ tổ chức để nhân dân góp ý kiến xây dựng Đảng thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội". Tiếp đến là Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12-12-2013 của Bộ Chính trị khóa XI về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Quyết định số

218-QĐ/TW ngày 12-12-2013 về việc Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Nghị quyết 04-NQ/TƯ của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ và gần đây là Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"... Về phía Nhà nước, cũng có nhiều quy định pháp lý liên quan đến phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong xây dựng chính quyền, trong quản lý nhà nước và xã hội.

Việc xác định Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là chủ thể quan trọng, có trách nhiệm trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền là bước chuyển có tính đột phá trong nhận thức, tư duy lý luận và chủ trương, đường lối của Đảng về vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Nhờ dựa vào dân, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội mà chúng ta đã phát hiện hàng nghìn vụ tiêu cực, tham nhũng. Thông qua vai trò đại diện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã có hàng chục triệu lượt ý kiến của nhân dân góp ý, phản biện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần hoàn thiện đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước; mối quan hệ, lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ngày càng được củng cố.

Ba là, nhận thức tư duy lý luận của Đảng về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp nhân dân.

Một trong những nhiệm vụ chiến lược của Đảng là phải tiến hành công tác vận động, tập hợp nhân dân, nhằm xây dựng lực lượng cách mạng, xây dựng và củng cố mối quan hệ Đảng

với nhân dân. Để tiến hành vận động nhân dân, Đảng phải thông qua vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Trong thực tế, có lúc, có nơi, trong nhận thức của không ít cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, của cán bộ, đảng viên chưa thực sự coi trọng vai trò của Mặt trận và các đoàn thể trong công tác vận động nhân dân; bản thân Mặt trận và các đoàn thể chưa phát huy được vai trò của mình. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII đánh giá: "Trước yêu cầu của đổi mới hiện nay, nhiều đoàn thể chưa xác định được thật rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, còn lúng túng về phương thức hoạt động và xây dựng tổ chức. Lề lối làm việc còn nặng về hành chính, hiệu quả giáo dục chính trị tư tưởng còn thấp. Nhiều tổ chức cơ sở của các đoàn thể hoạt động thất thường. Nhiều hội viên không thiết tha gắn bó với tổ chức của mình".

Sau Đại hội lần thứ VII của Đảng, Ban chấp hành Trung ương, Bộ chính trị có nhiều nghị quyết, chỉ thị cụ thể hóa vai trò quan trọng của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở tầm mức cao hơn. Nghị quyết số 25-NQ/TƯ của Ban chấp hành Trung ương khóa XI xác định: "Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên của các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, Mặt trận, đoàn thể làm tham mưu, nòng cốt".

Với việc xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể, đặc biệt là việc xác định vai trò của Mặt trận và các đoàn thể "làm tham mưu, nòng cốt", Nghị quyết 25-NQ/TW tạo ra một bước chuyển có tính đột phá trong công tác dân vận. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đi vào cụ thể, thiết thực hơn, hiệu quả hơn. Vai trò, uy tín, tiếng nói của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có trọng lượng hơn, nhân dân tin cậy hơn đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đánh giá về những chuyển biến tích cực, những đổi thay về vai trò của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân "phát

huy ngày càng tốt hơn vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân, chủ động tham gia giám sát và phản biện xã hội; làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước". Đây là sự ghi nhận của Đảng đối với vai trò và những đóng góp của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong gần 40 năm đổi mới.

Trong quá trình đổi mới đất nước, một trong những vấn đề được Đảng rất quan tâm là đổi mới nhận thức, tư duy về nguyên tắc và nội dung hoạt, phương thức động của hệ thống chính trị.

1.2. Quá trình phát triển nhận thức tư duy lý luận của Đảng về nguyên tắc tổ chức và nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Trong quá trình đổi mới đất nước, một trong những vấn đề được Đảng rất quan tâm là đổi mới nhận thức, tư duy về nguyên tắc và nội dung hoạt, phương thức động của hệ thống chính trị. Để giữ vững sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng tính độc lập, tự chủ trong hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, Đảng đã xác định những nguyên tắc cơ bản đối với hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đó là:

Một là, Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hai là, Đảng tôn trọng tinh tự chủ, sáng tạo trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;

Ba là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

Bốn là, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đây là những vấn đề then chốt để giữ vững định hướng chính trị của đất nước, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng,

bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước và tính thống nhất trong hoạt động của hệ thống chính trị.

Cùng với việc xác định những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị -xã hội, Đảng cũng có những nhận thức, tư duy mới trong lãnh đạo, chỉ đạo về nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Một là, chuyển từ nội dung, phương thức hoạt động đơn điệu, tuyên truyền, thuyết phục là chủ yếu, sang nắm bắt, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu và chăm lo, bảo vệ lợi ích thiết thực, chính đáng của hội viên. Chuyển từ nội dung phong trào mang tính chất hình thức sang hoạt động có chiều sâu, thiết thực, hiệu quả hơn, khắc phục được một phần rất lớn tình trạng hình thức, đi vào những vấn đề cụ thể như xóa đói, giảm nghèo, xóa nhà dột nát, phòng chống dịch bệnh, hỗ trợ thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh,... Thông qua các đề án, dự án kinh tế - xã hội để thu hút, tập hợp nhân dân.

Hai là, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ tình trạng hành chính hóa, sang dân chủ hóa các hoạt động, phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo trong hoạt động, nâng cao vai trò, trách nhiệm nòng cốt trong việc mở rộng và phát huy quyền dân chủ của các thành viên và hội viên. Cũng từ các hoạt động đó mà vai trò, uy tín, niềm tin của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từng bước được củng cố, thu hút được nhiều đoàn viên, hội viên tham gia các phong trào.

Ba là, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội không ngừng được mở rộng, đa dạng hóa và linh hoạt, không chỉ bó hẹp trong việc tổ chức các phong trào, trong việc xây dựng nội bộ các tổ chức, đoàn thể vững mạnh, mà còn đề cao vai trò, trách nhiệm trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, trong quản lý, giám sát và phản biện xã hội.

1.3. Quá trình phát triển nhận thức tư duy lý luận của Đảng về vai trò và nội dung, phương thức xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong gần 40 năm đổi mới đất nước, Đảng đã nhận thức rõ hơn và có những đổi mới tư duy về vị trí, vai trò, nội dung, phương thức xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Điều đó thể hiện trên một số nội dung:

Một là, Đảng xác định rõ hơn vị trí, tầm quan trọng của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh và điều kiện mới.

Trong bối cảnh và điều kiện mới, có rất nhiều khó khăn, phức tạp, các thế lực thù địch chưa từ bỏ âm mưu chống Đảng và nhà nước ta, Đảng xác định: "Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Hai là, nhận thức và tư duy mới về lực lượng của đại đoàn kết toàn dân tộc theo hướng mở rộng hơn, đa dạng, phong phú hơn.

Quan điểm của Đảng ta về lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc là: "Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai". Chính nhờ có nhận thức tư duy mở về lực lượng của đại đoàn kết dân tộc mà khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được mở rộng và ngày càng được củng cố. Lực lượng tham gia khối đại đoàn kết ngày càng đông đảo, phong phú.

Ba là, Xác định rõ hơn phương thức xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Quan điểm của Đảng ta là: "Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu". Đồng thời nhấn mạnh: "Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc".

Về phương thức xây dựng đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng nhấn mạnh: Phải thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đồng thời, Mặt trận và các tổ chức, đoàn thể phải thực sự tôn trọng, bình đẳng với nhau. Phải thông qua lợi ích, gắn liền với lợi ích; đồng thời phải gắn với nghĩa vụ trên cơ sở vì mục tiêu, lợi ích chung là xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và đi lên Chủ nghĩa xã hội. Đó là cơ sở nền tảng vững chắc, là sợi dây kết nối, gắn bó các giai tầng xã hội trong quá trình xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ ĐỀ XUẤT NHẰM TIẾP TỤC ĐỔI MỚI NHẬN THỨC, TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VỮNG MẠNH, HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Trong bối cảnh và điều kiện mới của thế giới đang có những biến đổi hết sức phức tạp, yêu cầu nhiệm vụ của đất nước, của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hết sức nặng nề, có nhiều vấn đề đặt ra cần được giải quyết, trong đó, cần tập trung giải quyết một số vấn đề lớn sau đây:

Vấn đề thứ nhất, làm thế nào để giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng với phát huy tính tự chủ, năng động, sáng tạo trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đây là vấn đề lý luận và cũng là đòi hỏi của thực tiễn trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo.

Đảng lãnh đạo nhà nước và xã hội, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là vấn đề có tính nguyên tắc, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt nam. Điều đó đã được lịch sử cách mạng nước ta chứng minh và khẳng định.

Tuy nhiên, trong thực tiễn hiện nay, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thực sự chủ động, năng động, sáng tạo, tính độc lập trong hoạt động chưa cao. Không ít cấp ủy đảng và một số cán bộ, đảng viên nhận thức chưa đầy đủ về mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng với tính tự chủ, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính

trị - xã hội. Nhiều người lo ngại khi nhấn mạnh tính tự chủ, năng động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ vượt ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng, từ đó dẫn tới hiện tượng là bao biện, làm thay, thiếu tin tưởng vào vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Cần có nhận thức, tư duy đúng về vấn về này.

Một là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội do Đảng sáng lập và lãnh đạo. Vì vậy, mục tiêu của Đảng cũng là mục tiêu của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; mọi hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải theo định hướng chính trị của Đảng, là nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, cương lĩnh, đường lối của Đảng, điều đó là tất yếu khách quan.

Hai là, từ khi ra đời, Mặt trận và các đoàn thể do Đảng sáng lập và lãnh đạo luôn có những đóng góp to lớn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, trong việc thực hiện thắng lợi cương lĩnh, đường lối của Đảng, cho mục tiêu chung của dân tộc; chưa bao giờ Mặt trận và các đoàn thể nhân dân chống lại, đi ngược lại đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội luôn luôn là 3 thành tố cơ bản, nòng cốt của hệ thống chính trị và cùng đồng hành trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đảng lãnh đạo nhà nước và xã hội, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là vấn đề có tính nguyên tắc, bao đảm sự ổn định chính trị của đất nước, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt nam. Điều đó đã được lịch sử cách mạng nước ta chứng minh và khẳng định.

Ba là, khi nói Đảng lãnh đạo toàn diện không có nghĩa là Đảng làm hết tất cả, mà Đảng phải dựa vào nhân dân, phát huy vai trò, sức mạnh của nhân dân, khai thác mọi tiềm năng, sáng tạo, mọi nguồn lực trong nhân dân. Muốn làm được điều đó, Đảng phải thực sự dựa vào Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân. Vì

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân là người đại diện cho tiếng nói, nguyện vọng của nhân dân; Đảng phải tôn trọng, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân chủ động, có tính độc lập nhất định trong hoạt động. Không có sự chủ động, không có tính độc lập, năng động, sáng tạo thì Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ rơi vào tình trạng thụ động, trông chờ, "là bánh xe thứ năm", "ăn theo, nói leo".

Bốn là, cần nhận thức rõ ràng: Chủ động, độc lập, năng động, sáng tạo trong hoạt động không có nghĩa là tách rời sự lãnh đạo của Đảng, đi chệch quỹ đạo mà là chủ động, độc lập, năng động, sáng tạo trong thực hiện đường lối, nghị quyết của Đảng. Đảng vẫn phải nắm chắc quyền lãnh đạo, định hướng chính trị, mục tiêu chính trị, nắm chắc công tác cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, còn hoạt động cụ thể, giải pháp, cách thức cụ thể là do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chủ động quyết định, chịu trách nhiệm trước Đảng và trước nhân dân về quyết định của mình. Đảng không bao biện, làm thay.

Vấn đề thứ hai, làm thế nào để phát huy hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội, trong xây dựng Đảng, chính quyền.

Từ sau khi Bộ Chính trị khóa XI ban hành hai quyết định 217-QĐ/TW và 218-QĐ/TW ngày 12-12-2013, không khí dân chủ trong xã hội tăng lên; vai trò, tiếng nói của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng có trọng lượng hơn. Hai quyết định 217-QĐ/TW và 218-QĐ/TW ra đời là một đột phá trong nhận thức về vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng Đảng, chính quyền, trong giám sát và phản biện xã hội.

Tuy nhiên, việc thực hiện hai quyết định trên chưa thật sự hiệu quả, có lúc, có nơi còn rất hình thức. Không ít cấp ủy chưa nhận thức đúng vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng Đảng, chính quyền, trong giám sát, phản biện xã hội. Mặt khác, bản thân Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính

trị - xã hội cũng chưa thật sự chủ động nâng cao vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hai quyết định 217 và 218. Để khắc phục các hiện tượng trên, cần có sự thống nhất nhận thức về vấn đề này.

Một là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, giám sát, phản biện xã hội, giám sát quyền lực nhà nước là xuất phát từ bản chất của Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Hồ Chí Minh: "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân".

Hai là, để phát huy vai trò trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, giám sát, phản biện xã hội, giám sát quyền lực nhà nước, một trong những vấn đề mấu chốt là Đảng, Nhà nước, các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp phải thực sự dân chủ, chân thành lắng nghe, tiếp thu đầy đủ những ý kiến đóng góp xác đáng của Mặt trận và các đoàn thể, của nhân dân, kể cả những ý kiến phản biện trái chiều.

Đối với thể chế chính trị ở nước ta không có tam quyền phân lập, thì việc tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước là hết sức quan trọng.

Ba là, đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải coi việc tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, giám sát, phản biện xã hội, giám sát quyền lực nhà nước là trách nhiệm trước vận mệnh của Đảng, của đất nước, trách nhiệm trước nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải trung thành với những ý kiến của phản ánh, góp ý của nhân dân, của các hội viên; phải không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ, năng lực giám sát, phản biện, phải thực trong sạch, chuẩn mực về đạo đức, vững vàng về bản lĩnh chính trị, "có gan dám nói, dám làm"; tránh tình

trạng "Ngậm miệng ăn tiền"... như Bác Hồ từng chỉ ra.

Bốn là, phải sửa đổi, bổ xung, khắc phục những bất cập trong quy định 217, 218 và một số quy định khác cho phù hợp với sự phát triển của thực tiễn. Việc giám sát, phản biện, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, kiểm soát quyền lực nhà nước cần có một tư duy mới, nhận thức mới theo nguyên tắc: Nội dung giám sát, phản biện, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là đòi hỏi của thực tiễn, đòi hỏi của nhân dân, phải căn cứ vào những ý kiến, kiến nghị, phát hiện của nhân dân để xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình. Khi nhân dân đã phát hiện, phản ánh các tiêu cực, sai trái, vi phạm khuyết điểm của cán bộ, đảng viên, công chức thì nhất thiết Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải tổ chức thực hiện và cấp ủy, chính quyền phải ủng hộ. Không vì một lý do nào đó mà cản trở công việc giám sát. Qua khảo sát thực tế và trao đổi với một số lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, thì không ít cấp ủy, lãnh đạo chính quyền không nhiệt tình ủng hộ chủ trương thực hiện hai nghị quyết 217 và 218, vì sợ đụng chạm đến bản thân, ảnh hưởng đến thành tích của tập thể, địa phương.

Một nguyên tắc nữa cũng cần thống nhất nhận thức là: Ở nước ta, quyền lực của Nhà nước là quyền lực của nhân dân giao cho, được nhân dân uỷ thác, do đó, cần phải xây dựng một quy định mới về kiểm soát quyền lực và trách nhiệm toàn diện hơn, đầy đủ hơn, với phương châm: ở đâu có quyền lực và những ai được giao quyền lực, trách nhiệm thì ở đó, quyền lực và trách nhiệm phải được kiểm soát.

Vấn đề thứ ba, làm thế nào để giải quyết tốt mối quan hệ giữa dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp trong điều kiện hiện nay.

Từ khi dân chủ ra đời với tư cách là một thiết chế xã hội, đã hình thành 2 hình thức dân chủ là dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Cả hai hình thức này tồn tại song song và lâu dài. Tuy nhiên, mức độ có khác nhau tùy vào điều kiện xã hội - lịch sử cụ thể. Khi trình độ phát triển của xã hội, trình độ dân trí khác nhau thì mức

độ của các hình thức dân chủ cũng khác nhau.

Trong điều kiện hiện nay, khi cách mạng khoa học - công nghệ đang phát triển rất mạnh mẽ, thông tin tràn ngập mọi ngõ ngách xã hội, người dân có điều kiện tiếp cận thông tin nhanh, trực tiếp và đa chiều, đồng thời cũng có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc thể hiện quyền dân chủ trực tiếp...Vậy giải quyết thế nào cho hợp lý về mối quan hệ giữa dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

Để giải quyết tốt mối quan hệ này, vấn đề mấu chốt là, Đảng, Nhà nước, cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải thực sự tôn trọng quyền dân chủ thực chất của nhân dân. Trong mỗi sự việc cụ thể, địa bàn, thời điểm và đối tượng cụ thể cần có sự vận dụng, lựa chọn linh hoạt các hình thức dân chủ cho phù hợp. Có những nội dung, những thời điểm và có những đối tượng thì thực hiện dân chủ trực tiếp sẽ tốt hơn; có những nội dung, thời điểm, đối tượng thì sử dụng dân chủ đại diện sẽ tốt hơn. Điều đó tùy thuộc vào nghệ thuật lãnh đạo của Đảng cầm quyền. Nếu cứng nhắc, nhấn mạnh hình thức dân chủ nào thì sẽ làm mất đi tính dân chủ đối với các cộng đồng dân cư cụ thể ■

Tài liệu tham khảo:

[1] ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập,* t.49, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.549.

[2] ĐCSVN: *Nghị quyết hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI,* 2012, tr.33.

[3] ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.253.

[4] ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành TƯ khóa XI,* Hà Nội, 2013, tr.41.

[5] ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.48.

[6, 7] *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7,* Ban chấp hành trung ương khóa IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.13, 14.

[8] ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội lần thứ XIII,* t.I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.172.

[9] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.304.

KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Ở MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO VIỆT NAM

● **TS LÊ THỊ THÚY**
Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Mở đầu

Đưa KH&CN trở thành động lực cho CNHHĐH nhằm phát triển kinh tế là mong muốn và quyết tâm của nhiều quốc gia. Tuy nhiên, cách thức và năng lực để tăng cường tác động KH&CN vào phát triển kinh tế là vấn đề quan trọng. Lý luận của các nước phát triển về cách thức và năng lực đưa KH&CN trở thành động lực phát triển kinh tế là căn cứ tham khảo giúp các nước đang phát triển đi theo. Thành công trong áp dụng lý luận của các nước phát triển giúp cho một số nước đang phát triển tiến lên phía trước đạt được sự phát triển bứt phá, rút ngắn khoảng cách và tiến tới bắt kịp các nước phát triển trong phát triển kinh tế dựa trên KH&CN. Việt Nam có thể tranh thủ kinh nghiệm phát triển KH&CN cho CNHHĐH nhằm vươn lên rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước phát triển trong thời gian tới.

2. Kinh nghiệm phát triển nguồn lực khoa học công nghệ cho CNH, HĐH ở một số quốc gia.

Thực tế đã chỉ ra những thành công trong phát triển rút ngắn khoảng cách và tiến tới bắt kịp các nước phát triển của một số nền kinh tế đang phát triển nhờ phát triển KHCN:

2.1. Hàn Quốc:

+ Nhập công nghệ thông qua hình thức OEM (sản xuất thiết bị gốc - Original Equipment Manufacturing) và ODM (sản xuất theo mẫu thiết kế ban đầu - Original Design Manufactu-

ring), hợp tác nghiên cứu với đối tác bên ngoài, đầu tư vào công ty công nghệ cao của nước ngoài;

Những năm 1960-1970, Hàn Quốc chú trọng tiếp nhận công nghệ bên ngoài thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài và liên doanh (với Hoa Kỳ và Nhật Bản). Chính những công nghệ này đã giúp tạo dựng cơ sở ban đầu cho ngành công nghiệp điện tử sử dụng nhiều lao động. Tuy nhiên, công nghệ có được vẫn khá hạn chế. Vào những năm 1980, Hàn Quốc chuyển sang hình thức OEM (sản xuất thiết bị gốc - Original Equipment Manufacturing); tiếp nữa là từ hình thức OEM sang ODM (sản xuất theo mẫu thiết kế ban đầu - Original Design Manufacturing) trong một số lĩnh vực. Những năm 1990, Hàn Quốc chú trọng thu hút công nghệ bên ngoài thông qua hợp tác nghiên cứu với đối tác, tiến hành đầu tư vào công ty công nghệ cao của nước ngoài. Một số tập đoàn mạnh của Hàn Quốc đã thiết lập các quan hệ hợp tác chiến lược với các công ty đa quốc gia nước ngoài.

+ Các doanh nghiệp lớn (Chaebol) đóng vai trò tiên phong trong ứng dụng KH&CN sản xuất;

+ Hàn Quốc đã thành lập một trung tâm NC&PT lớn là Viện KH&CN Hàn Quốc (KIST) nhằm hỗ trợ cho nghiên cứu ứng dụng. Viện Khoa học và Công nghệ Hàn Quốc (KIST) phục vụ hiệu quả các ngành kinh tế mũi nhọn và đóng vai trò hạt nhân trong thúc đẩy gắn kết KH&CN và sản xuất;

+ Thành phố khoa học Taedok nhằm vào nuôi dưỡng các mối liên kết gần gũi hơn giữa các tổ chức nghiên cứu và công nghiệp;

+ Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo ra từ ứng dụng KH&CN thông qua kết hợp hiệu quả giữa định hướng thay thế nhập khẩu và khuyến khích xuất khẩu; phát triển các công ty thương mại tổng hợp (GTC) trở thành công cụ để tập trung hóa và đa dạng hóa xuất nhập khẩu.

2.2. Đài Loan:

+ Coi trọng học hỏi quản lý từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đài Loan đã thu hút được nhiều FDI nhưng ảnh hưởng của FDI không chủ yếu ở năng lực công nghệ mà là quản lý. Các công ty Đài Loan tích cực học hỏi kỹ năng quản lý từ các công ty FDI và tạo ra nhiều hệ thống quản lý sản phẩm kiểu như hãng Acer đã thực

hiện. Do hầu hết các cơ sở là doanh nghiệp nhỏ và vừa nên luồng di chuyển nhân lực đã tạo ra khả năng dễ dàng học hỏi lẫn nhau để hoàn thiện hệ thống quản lý. Khác với chỉ quan tâm làm sao có công nghệ mới và thực hiện công nghệ đó, bỏ qua việc xây dựng cơ sở để đảm bảo chất lượng của sản phẩm, Đài Loan ý thức rõ cần chú trọng xây dựng "văn hóa chất lượng sản phẩm", xây dựng quy trình công nghệ về chất lượng sản phẩm để tạo nên những khác biệt trong cạnh tranh và phát triển;

+ Doanh nghiệp nhỏ tích cực đổi mới công nghệ nhằm cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường quốc tế;

+ Chính phủ Đài Loan thành lập Viện Nghiên cứu Công nghệ Công nghiệp (ITRI) hỗ trợ cho doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ bên ngoài. Viện Nghiên cứu Công nghệ Công nghiệp Đài Loan (ITRI) phục vụ hiệu quả các ngành kinh tế mũi nhọn và đóng vai trò hạt nhân trong thúc đẩy gắn kết KH&CN và sản xuất;

+ Khu CNC Tân Trúc (Hsinchu) phát triển dựa trên nguyên tắc xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho các công ty CNC và hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại phù hợp với đòi hỏi của các lĩnh vực CNC;

+ Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo ra từ ứng dụng KH&CN thông qua chuyển hướng hợp lý từ thay thế nhập khẩu sang hướng ngoại, khuyến khích xuất khẩu; phát triển các khu chế xuất (EPZ).

2.3. Trung Quốc:

+ Con đường "thích ứng chuyển đổi" công nghệ nước ngoài của Trung Quốc được thực hiện theo một chu trình gồm ba giai đoạn: đầu tiên, thu hút ĐTNN để lắp ráp sản phẩm, gia công theo thiết kế chế tạo gốc; tiếp theo, thông qua các quan hệ liên kết, liên doanh để chuyển sang sản xuất trong nước các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao và vẫn giữ nguyên thương hiệu gốc của các tập đoàn nước ngoài; cuối cùng, tiến tới sản xuất các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao nhờ các liên kết, liên doanh nhưng do Trung Quốc tự thiết kế và mang thương hiệu riêng của Trung Quốc;

Sau Cách mạng văn hóa, để phục hồi nền kinh tế, Trung Quốc tập trung nhập công nghệ thông qua hoạt động

mua bán. Mặc dù mua được khá nhiều công nghệ quan trọng, nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước theo hướng bốn hiện đại hóa. Bước vào những năm 1990, Trung Quốc đã đổi mới hình thức du nhập công nghệ, đặt trọng tâm vào xí nghiệp liên doanh và ép buộc những tập đoàn lớn trên thế giới như AT&T, Motorola, Matsushita,... thành lập các cơ sở NC&PT tại Trung Quốc. Các doanh nghiệp là nơi ứng dụng kết quả nghiên cứu nhưng không thể tự mình giải quyết những khó khăn đặt ra. Sự tồn tại của hệ thống viện nghiên cứu chính là lực lượng hỗ trợ giúp doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu từ bên ngoài.

+ Thành phố mở cửa, khu khai phát, doanh nghiệp liên doanh đóng vai trò hạt nhân thu hút nguồn lực từ bên ngoài vào phát triển, lan tỏa công nghệ cao và mới ra toàn nền kinh tế;

+ Hệ thống khu công nghệ cao với các đặc điểm: hình thành các khu CNC quốc gia từ các khu CNC địa phương; bên cạnh Chính phủ, chính quyền địa phương có vai trò rất lớn trong quản lý các khu CNC quốc gia; sự đa dạng, phong phú của các khu CNC5; phát triển khu CNC qua các giai đoạn khác nhau, tiến tới xây dựng các khu CNC tiêu chuẩn quốc tế và mang tính cân đối trong nền kinh tế;

+ Chương trình và dự án KH&CN quốc gia là công cụ chủ lực, mang tính đột phá nhằm thực hiện vai trò đầy tham vọng về phát triển KH&CN. Các chương trình, dự án KH&CN quốc gia ở Trung Quốc gắn chặt với chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN quốc gia;

+ Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo ra từ ứng dụng KH&CN thông qua kết hợp giữa thị trường bên trong vốn rộng lớn với xuất khẩu ra thế giới; tích cực đón bắt các làn sóng mới của nhu cầu trên thị trường quốc tế.

3. Bài học rút ra đối với Việt Nam trong phát triển nguồn lực khoa học công nghệ cho CNH, HĐH

Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển KH&CN cho CNHHĐH của các nước (và vùng lãnh thổ) như Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc,... cho phép rút ra một số bài học dưới đây.

+ Cần có cách đi riêng ngoài lý luận của các nước phát triển. Có khá nhiều lý luận về quan hệ giữa KH&CN và CNHHĐH được khái

quát từ kinh nghiệm của các nước phát triển như các giai đoạn công nghiệp hóa, các thế hệ công nghệ, các làn sóng phát triển, các giai đoạn phát triển cạnh tranh,... Các lý luận này là những nỗ lực khác nhau nhằm xác định rõ khoảng cách về gắn kết KH&CN, sản xuất giữa các nước phát triển và đang phát triển. Thay vì tuân thủ các lý luận của các nước phát triển như những chân lý tuyệt đối, các nước đang phát triển cần có thêm cách đi của riêng mình. Trên thực tế, các nền kinh tế như Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc đã đi theo cách khác và đạt được thành công.

+ Phân biệt các điểm riêng mang lại thành công với mức độ và tính chất khác nhau. Đối với các nước đang phát triển, nhập công nghệ là khâu quan trọng nhất (phải có công nghệ thì mới tính đến cách ứng dụng vào sản xuất) và khó khăn nhất (phải vượt qua các cản trở từ các nước phát triển có công nghệ) trong gắn kết KH&CN và kinh tế.

+ Có cách đi riêng trong mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm được tạo ra từ gắn kết KH&CN và sản xuất. KH&CN là phương tiện cho phát triển sản xuất, nhằm thu về giá trị kinh tế. Ứng dụng KH&CN nhiều và tạo ra nhiều sản phẩm mà không được tiêu thụ sẽ mang tới nhiều tác động tiêu cực. Trong lịch sử, những bước đột phá trong tăng cường ứng dụng KH&CN vào sản xuất luôn gắn với mở rộng mạnh mẽ thị trường tiêu thụ sản phẩm. Điển hình như với Anh, Đức, Pháp,... thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là xâm chiếm thuộc địa; với Hoa Kỳ là thị trường tiêu thụ hàng hóa trong và sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và thứ hai; với Nhật Bản là tạo ra sản phẩm cạnh tranh nhằm vào khai thác nhu cầu về an toàn, kinh tế, tin cậy, độ bền và thuận tiện.

+Nhập công nghệ, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học và khu công nghệ cao, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ứng dụng KH&CN là những điểm cốt lõi trong cách đi riêng mang lại thành công vượt bậc về quan hệ giữa KH&CN và kinh tế ở các nước đang phát triển.

Như vậy, từ góc độ học hỏi các nước phát triển, việc tìm kiếm cách đi riêng của các nước đang phát triển là khá tự nhiên theo nghĩa: tận dụng lý luận,

kinh nghiệm đã có và tích cực khắc phục những hạn chế đã bộc lộ trong áp dụng lý luận, kinh nghiệm đã có.

Cách đi riêng ở các nước đang phát triển bao gồm cả dựa trên lợi thế riêng và tiên phong trong sáng tạo lý luận chung Nói cách đi riêng của nước đang phát triển là hàm ý khác với cách đi đã có (và được khái quát thành lý luận và kinh nghiệm) của các nước phát triển. Theo đó, không chỉ có cách đi riêng gắn với đặc thù chỉ có ở một nước mà cả cách đi riêng do khai phá lý luận chung chưa có ở các nước phát triển. Ở Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc vốn có các đặc điểm riêng đặc thù khá nổi bật. Với Hàn Quốc là chính phủ độc tài, lao động có chất lượng, ý chí vươn lên của dân tộc, vị trí địa chính trị trong chiến tranh lạnh,... Với Đài Loan là đội ngũ doanh nhân đông đảo và tài năng (di tản từ Trung Quốc lục địa), quan hệ đối tác chiến lược với Hoa Kỳ, sức ép phải vươn lên trước thách thức từ Trung Quốc lục địa,... Với Trung Quốc là thị trường rộng lớn, đội ngũ Hoa kiều đông đảo và có năng lực về kinh tế và KH&CN, sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản, truyền thống kế hoạch hóa,... Nhiều đặc điểm riêng đặc thù đã được khai thác thành lợi thế trong cách đi riêng. Chẳng hạn, gắn các chương trình, dự án KH&CN quốc gia với chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN quốc gia ở Trung Quốc là dựa trên truyền thống kế hoạch hóa. Trung Quốc vốn có truyền thống phát triển KH&CN theo chiến lược, kế hoạch. Việc lập kế hoạch nghiên cứu đã được bắt đầu từ những năm 1950 trong sự hợp tác với Liên Xô và đã trở nên tỉ mỉ, kỹ lưỡng hơn trong kế hoạch 12 năm về phát triển KH&CN vào năm 1956. Các nỗ lực này được mô phỏng theo Liên Xô, đã tạo ra một mô hình top-down (từ trên xuống), nhà nước chỉ đạo các chương trình KH&CN để thúc đẩy sự phát triển trong các lĩnh vực quan trọng chiến lược. Việc lập kế hoạch hóa và phát triển KH&CN do chính phủ chỉ đạo vẫn được coi là vấn đề ưu tiên trong thời kỳ cải cách. Vào cuối những năm 1980, Trung Quốc chuyển mạnh sang kinh tế thị trường. Tuy nhiên, việc đề cao vai trò của thị trường đã không loại trừ kế hoạch hóa với ý nghĩa là một công cụ quan

trọng trong phát triển KH&CN và gắn kết KH&CN với kinh tế - xã hội.

Nhờ khai thác và làm sống lại những thế mạnh tiềm năng mà phát triển KHCN dường như diễn ra tự nhiên. Đồng thời, khai thác thế mạnh đặc thù thúc đẩy cách đi riêng vốn có chiều sâu về văn hóa, xã hội, con người,... Ví dụ, viện nghiên cứu của Hàn Quốc đặt tại các nước phát triển, khu công nghệ cao theo mô hình mở ở Thâm Quyến (Trung Quốc), khai thác các khía cạnh khác nhau của quan hệ gắn kết giữa đổi mới công nghệ - đổi mới tổ chức - đổi mới thị trường,... là khám phá mới có thể áp dụng.

Các nước và vùng lãnh thổ như Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc đã cho thấy ý nghĩa của việc tranh thủ nắm bắt và tận dụng khai thác các vấn đề nảy sinh từ thực tế. Nhờ những sáng tạo mang tính chủ động, các nền kinh tế như Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc,... đã đạt được thành công. Đối mặt với các khó khăn, các nỗ lực của Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc,... đã tập trung vào đúng vấn đề và giải quyết vấn đề một cách có hiệu quả ■

Tài liệu tham khảo:

1. Alvin Toffler (1992). *Cú sốc tương lai,* Hà Nội, Nxb Thông tin lý luận.

2. René Dumont (1991). *Đài Loan cái giá của thành công,* Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.

3. Mai Thị Thanh Xuân (2011). *Một số mô hình công nghiệp hóa trên thế giới và Việt Nam,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Hoàng Xuân Long, Chu Đức Dũng (2018). *"Ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất ở các nước đi sau: so sánh kinh nghiệm thành công trên thế giới và Việt Nam",* Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới, số 10 năm 2018.

5. Technological Forecasting and Social Change, 5/2004.

6. Issue brief: *New development in China's domestic innovation and procurement policies.* The US China Business Council. 1/2010.

7. Dieter Ernst (2010). "China's innovation policy is a wakeup call for America". Analysis from the EastWast Center, No 100. 5/2010.